

BAY LÊN TẦM CAO MỚI



CHIA SẺ ƯỚC MƠ



VINAMILK

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2008

VÌ THẾ HỆ TƯƠNG LAI VƯỢT TRỘI



VINAMILK



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2008



NỘI DUNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

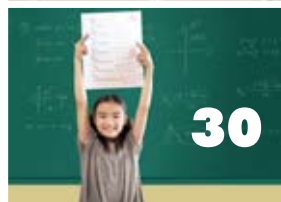
- 14 - Tổng quan hoạt động kinh doanh
- 18 - Chiến lược phát triển kinh doanh
 - 19 - Hệ thống phân phối
 - 20 - Lợi thế cạnh tranh
- 22 - Danh mục nhãn hiệu

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 40 - Giới thiệu công ty
- 44 - Cơ cấu tổ chức công ty
- 46 - Sơ đồ tổ chức nhân sự
- 48 - Giới thiệu HĐQT
- 50 - Giới thiệu Ban Tổng giám đốc
- 52 - Giới thiệu Ban Kiểm soát

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 01 - Thông tin Doanh nghiệp
- 02 - Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 03 - Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 05 - Bảng cân đối kế toán
- 09 - Kết quả hoạt động kinh doanh
- 10 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 12 - Thuyết minh báo cáo tài chính



THÔNG ĐIỆP

- Tầm nhìn - 06
- Sứ mệnh - 06
- Giá trị cốt lõi - 07
- Thông điệp của Chủ tịch HĐQT - 08

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

- Thành tích nổi bật - 33
- Sự kiện tiêu biểu - 35

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- Báo cáo quản trị - 56
- Quản lý rủi ro - 64
- Quan hệ nhà đầu tư - 66
- Hoạt động cộng đồng - 68

Chia sẻ ước mơ



- ▶ Tầm nhìn
- ▶ Sứ mệnh
- ▶ Giá trị cốt lõi
- ▶ Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Thông điệp



Tâm nhìn

“Trở thành biểu tượng niềm tin số một Việt Nam về sản phẩm dinh dưỡng và sức khỏe phục vụ cuộc sống con người.”

Sứ mệnh

“Vinamilk cam kết mang đến cho cộng đồng nguồn dinh dưỡng tốt nhất, chất lượng nhất bằng chính sự trân trọng, tình yêu và trách nhiệm cao của mình với cuộc sống con người và xã hội.”

Giá trị cốt lõi

▪ Tôn trọng:

Tự trọng, bình đẳng và cống hiến cho sự phát triển của Công ty là những điều chúng tôi trân trọng.

▪ Ý chí:

Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vượt qua mọi thử thách để đạt được mục tiêu cam kết.

▪ Cởi mở:

Sự trao đổi thẳng thắn với tinh thần xây dựng là cơ sở để giúp đội ngũ chúng tôi trở nên gắn bó hơn, mạnh mẽ hơn.

▪ Chính trực:

Bất cứ điều gì chúng tôi làm đều trung thực, minh bạch và đúng với đạo lý.

▪ Hòa hòa các lợi ích:

Lợi ích của Vinamilk cũng là lợi ích của nhân viên, đối tác, nhà nước và xã hội.

▪ Hiệu quả:

Luôn quan tâm đến giá trị tăng thêm trong tất cả các hoạt động đầu tư, kinh doanh và công việc.

▪ Sáng tạo:

Chúng tôi tôn trọng niềm đam mê, sự khám phá mang tính độc đáo và các giải pháp tiên tiến.



Vinamilk
chiếm khoảng **37%**
THỊ PHẦN TOÀN QUỐC

“ Với mục tiêu trở thành một trong những tập đoàn thực phẩm và nước giải khát có lợi cho sức khỏe hàng đầu tại Việt Nam, Công ty bắt đầu triển khai dự án mở rộng và phát triển ngành hàng nước giải khát có lợi cho sức khỏe và dự án qui hoạch lại qui mô sản xuất tại Miền Nam. Đây là hai dự án trọng điểm nằm trong chiến lược phát triển lâu dài và bền vững của Công ty. ”

Kính gửi: Quý cổ đông

Nền kinh tế Việt Nam vừa trải qua một năm đặc biệt khó khăn. Trong lĩnh vực thực phẩm, ảnh hưởng nghiêm trọng từ sữa nhiễm melamine ở Trung Quốc đã tác động tiêu cực đến sức mua của người tiêu dùng. Tuy nhiên trong khó khăn, Vinamilk đã tiếp tục vươn cao và khẳng định được uy tín thương hiệu của mình. Với những cam kết mạnh mẽ về chất lượng, được đảm bảo từ nguồn nguyên liệu chọn lọc từ Châu Úc, Châu Âu, các sản phẩm của Vinamilk vẫn chứng tỏ tính ưu việt từ trước tới nay, tiếp tục đem đến cho người tiêu dùng sự tin tưởng và an tâm khi sử dụng. Năm 2008, Vinamilk tiếp tục là công ty sữa hàng đầu tại Việt Nam với tốc độ tăng trưởng ấn tượng: tổng doanh thu tăng 25,5% so với 2007, đạt 102,2% so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế tăng 43,5% so với 2007, đạt 103,4% so với kế hoạch.

Trong năm 2008, Công ty đã tiếp tục củng cố và mở rộng hệ thống phân phối như: xây dựng đội ngũ bán hàng và tiếp thị có năng lực tốt, cấu trúc và mở rộng hệ thống nhà phân phối, mở rộng các kênh bán hàng, triển khai phương thức bán hàng trực tiếp bằng xe tải cộng với sự

hỗ trợ của các chiến lược tiếp thị hiệu quả, hệ thống quản lý chất lượng công ty tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, yếu tố sống còn của doanh nghiệp.

Với mục tiêu trở thành tập đoàn thực phẩm và nước giải khát có lợi cho sức khỏe hàng đầu tại Việt Nam, Vinamilk bắt đầu triển khai các dự án mở rộng và phát triển ngành hàng nước giải khát có lợi cho sức khỏe và dự án qui hoạch lại qui mô sản xuất sữa tại Miền Nam. Đây là hai dự án trọng điểm nằm trong chiến lược phát triển của Công ty.

Ngày 31/10/2008, Công ty đã nhận được quyết định chấp thuận của Sở Giao dịch Chứng Khoán Singapore - lần đầu tiên cấp phép niêm yết cho một doanh nghiệp Việt Nam - được phát hành mới và niêm yết 5% vốn điều lệ của Vinamilk trên sàn giao dịch chính của Thị trường Chứng Khoán Singapore. Sự kiện quan trọng này đánh dấu việc quản trị doanh nghiệp của Công ty ngày càng minh bạch, phù hợp hơn với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, khó khăn chung từ tình hình kinh tế thế giới và trong khu vực đã ảnh hưởng đến kế hoạch niêm yết.

Kết quả tài chính

Công ty đã đạt được kết quả tài chính hợp nhất ấn tượng sau:

	Thực hiện 2008	Kế hoạch 2008	Thực hiện 2007	% thực hiện	
(ĐVT: Tỷ đồng)	[A]	[B]	[C]	[A/B]	[A/C]
Tổng doanh thu	8.381	8.200	6.675	102,2%	↑25,5%
Lợi nhuận trước thuế	1.371	1.326	955	103,4%	↑43,5%
Lợi nhuận sau thuế	1.250	1.140	963	109,7%	↑29,8%
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS: đồng/cổ phiếu)	7.132	6.175	5.607	115,5%	↑27,2%

Về tình hình thực hiện kế hoạch giải ngân các dự án đầu tư nội bộ năm 2008 như sau:

	Thực hiện	Kế hoạch	% thực hiện
(ĐVT: Tỷ đồng)			
Đầu tư mới	298	326	91,4%
Dự án chuyển tiếp	230	244	94,2%
Sửa chữa lớn	18	30	60%
Tổng cộng	546	600	91%

Cổ tức

Với kết quả kinh doanh tốt trong năm, Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt nội dung chia cổ tức cho cả năm 2008 là 2.900 đồng/cổ phiếu cho mỗi cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng (tương đương 29% trên mệnh giá cổ phiếu), cổ tức này đã được chi trả bằng tiền mặt trong năm.

Ngoại trừ những sự kiện không lường trước, Hội đồng Quản trị có ý định duy trì chính sách chi trả cổ tức không thấp hơn mức cổ tức bình thường của năm trước. Tuy nhiên, mức cổ tức thực tế cho từng năm sẽ được xem xét dựa trên triển vọng về kết quả kinh doanh hợp nhất và kế hoạch đầu tư phát triển mới để đảm bảo Công ty luôn phát triển bền vững.

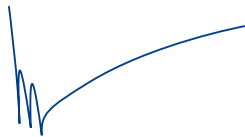
Thay lời kết

Thay mặt cho Hội đồng Quản trị Vinamilk, tôi xin có lời cảm ơn sâu sắc gửi tới toàn thể quý vị cổ đông, khách hàng, đối tác kinh doanh và các cơ quan, đoàn thể đã tin cậy và ủng hộ để Vinamilk có sự phát triển mạnh mẽ và bền vững trong những năm qua và trong những năm tiếp theo.

Tôi cũng xin gửi lời tri ân tới hơn 4.200 nhân viên toàn Công ty, xin cảm ơn sự đóng góp hiệu quả của các anh chị và hy vọng tất cả mọi thành viên sẽ tiếp tục phát huy những khả năng của mình để đưa ngôi nhà Vinamilk của chúng ta tiếp tục đạt được những kết quả tốt hơn nữa trong tương lai.

Năm 2009 chắc chắn sẽ còn nhiều khó khăn hơn ở phía trước khi nền kinh tế toàn cầu khủng hoảng, nhưng đây cũng là cơ hội hiếm có cho sự tăng trưởng khi người tiêu dùng quay lại với những sản phẩm có chất lượng quốc tế nhưng giá hợp lý, nếu chúng ta biết tận dụng thời cơ thì kết quả kinh doanh năm 2009 sẽ rất khả quan. Vinamilk sẽ làm hết sức mình để đáp ứng được kỳ vọng của các cổ đông.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2009



MAI KIỀU LIÊN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- ▶ Tổng quan hoạt động kinh doanh
- ▶ Chiến lược phát triển kinh doanh
- ▶ Hệ thống phân phối
- ▶ Lợi thế cạnh tranh
- ▶ Danh mục nhãn hiệu

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc



Nguồn dinh dưỡng
từ thiên nhiên mỗi ngày



Hơn **125.000** điểm bán hàng
TRÊN TOÀN QUỐC

Tổng doanh thu tăng trưởng 25,5% và lợi nhuận trước thuế tăng 43,5% so với năm 2007 trong điều kiện kinh tế khó khăn đã thể hiện sức mạnh nội tại của doanh nghiệp và tiềm năng phát triển của thị trường sữa Việt Nam. Thương hiệu Vinamilk ngày càng khẳng định là biểu tượng niềm tin số một về sản phẩm dinh dưỡng và sức khỏe phục vụ cuộc sống con người.

TỔNG QUAN

Năm 2008, Vinamilk tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu thị trường, nắm giữ 37% thị trường sữa Việt Nam. Với 9 nhà máy sữa và 1 nhà máy cà phê đặt tại các tỉnh và thành phố lớn dọc Việt Nam, tổng công suất thiết kế của Vinamilk đạt khoảng 504 nghìn tấn/năm. Các sản phẩm của Vinamilk được chia thành các nhóm chính gồm: sữa nước, sữa bột, sữa đặc, sữa chua ăn, các sản phẩm từ sữa như kem, phô mai, nước trái cây và cà phê.

Sữa đặc

Là sản phẩm truyền thống của Vinamilk từ năm 1976 và là sản phẩm đóng góp lớn nhất vào doanh thu của Vinamilk, mặc dù tỷ trọng của sản phẩm sữa đặc đang giảm dần theo chiến lược phát triển của Vinamilk. Năm 2008, sữa đặc đóng góp 29% doanh thu sản phẩm của Công ty. Sữa đặc được tiêu thụ chủ yếu ở Việt Nam và một phần nhỏ xuất khẩu sang Campuchia và Phillipines.

Sữa nước

Bao gồm sữa tiệt trùng và sữa chua uống. Đây là nhóm sản phẩm đóng góp lớn thứ hai vào doanh thu nội địa của Vinamilk và lớn thứ ba trong tổng doanh thu của Công ty. Năm 2008, sữa nước chiếm 27% doanh thu sản phẩm của Vinamilk. Sữa nước được tiêu thụ tại thị trường Việt Nam. Sữa nước là thị trường có mức độ cạnh tranh rất cao với nhiều công ty sữa trong nước tham gia sản xuất như Vinamilk, Dutch Lady, Hanoimilk, Mộc Châu, v.v. và một số ít sản phẩm sữa tiệt trùng nhập khẩu. Đối thủ lớn nhất của Công ty vẫn là Dutch Lady với thị phần tương đương. Đây là sản phẩm trọng tâm phát triển của Vinamilk trong thời gian tới.

Sữa bột

Bao gồm sữa bột và bột dinh dưỡng, được tiêu thụ tại thị trường trong nước và xuất khẩu. Đây là sản phẩm xuất khẩu chính của Vinamilk qua thị trường khu vực Trung Đông. Sữa bột chiếm 29% doanh thu sản phẩm của Công ty trong năm 2008, tương đương với tỷ trọng của sữa đặc, nhờ vào sự tăng trưởng mạnh của doanh thu nội địa lẫn doanh thu xuất khẩu trở lại mức bình thường. Phân khúc thị trường này chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ của sản phẩm nhập khẩu với rất nhiều thương hiệu quốc tế như Abbott, Mead Johnson, Nestlé, Friso, và cả những nhà sản xuất có cơ sở trong nước như Dutch



Lady, Nutifood, v.v Đây là thị trường có tiềm năng tăng trưởng mạnh và là trọng tâm phát triển của Vinamilk trong thời gian tới.

Sữa chua

Chiếm 12% tổng doanh thu sản phẩm của Vinamilk trong năm 2008. Sau khi tốc độ tăng trưởng của sữa chua chậm lại còn khoảng 10% trong năm 2007, doanh thu của nhóm này đã tăng ngoạn mục trong năm 2008 với tốc độ tăng trưởng 42% nhờ đầu tư mạnh vào hệ thống tủ đông, tủ mát để mở rộng hệ thống phân phối nhóm hàng lạnh. Vinamilk giữ vị trí gần như duy nhất trong thị trường này. Chúng tôi đánh giá tiềm năng phát triển trong tương lai của mặt hàng này còn rất lớn.

Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh

Biến động của nền kinh tế

Năm 2008 là năm chứng kiến nhiều biến động rất lớn trong tình hình kinh tế thế giới lẫn nội tại nền kinh tế Việt Nam. Khủng hoảng bắt nguồn từ thị trường tài chính từ Mỹ đã nhanh chóng lan rộng sang các quốc gia khác và ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu. Tại Việt Nam, lạm phát tăng vọt, lãi vay ngân hàng cao, và tỷ giá biến động gây khó khăn cho rất nhiều doanh nghiệp. Giá tiêu dùng năm 2008 tăng cao ngay từ quý I và liên tục tăng lên trong quý II, quý III, nhưng quý IV liên tục giảm, nên giá tiêu dùng tháng 12 năm 2008 so với tháng 12 năm 2007 tăng 19,89% và chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm tăng 22,97%. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam chậm lại chỉ còn 6,23% sau 3 năm liên tục có mức tăng trưởng GDP trên 8%. Kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng được dự báo sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong năm 2009.

Đối với ngành sữa, ngoài khó khăn chung của nền kinh tế, bê bối sữa nhiễm melamine phát hiện tại Trung Quốc và sau đó là tại các nước lân cận đã ảnh hưởng mạnh đến niềm tin của người tiêu dùng. Tiếp sau sự kiện melamine là việc một số sản phẩm sữa bột thành phẩm có hàm lượng đạm thấp hơn rất nhiều so với hàm lượng công bố trên bao bì. Các sự kiện liên tiếp liên quan đến chất lượng sữa thành phẩm này đã góp phần thúc đẩy xu hướng người tiêu dùng chuyển sang sử dụng sản phẩm của những thương hiệu có uy tín. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội cho Vinamilk phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Với quy trình sản xuất được kiểm tra chặt chẽ ngay từ khâu nguyên vật liệu đầu vào, thiết bị và công nghệ sản xuất hiện đại, đội ngũ nhân viên lành nghề, chất lượng sản phẩm của

Vinamilk luôn tuân thủ các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế. Chính vì vậy, trong vụ bê bối vừa qua, tất cả sản phẩm và nguyên liệu của Vinamilk đều không nhiễm melamine, một lần nữa khẳng định cam kết của Công ty đối với chất lượng sản phẩm.

Nhu cầu tiêu thụ sữa

Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm sữa tại Việt Nam tăng trưởng ổn định. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, người tiêu dùng cũng quan tâm nhiều hơn đến sức khỏe và sử dụng các sản phẩm sữa nhiều hơn, đặc biệt là sữa bột, sữa nước và sữa chua. Theo báo cáo của TNS Worldpanel Vietnam về thị trường sữa Việt Nam năm 2007, sữa bột chiếm 51% giá trị thị trường sữa, sữa tươi chiếm 25%, sữa chua ăn và sữa nước cùng chiếm 7% giá trị thị trường, còn lại là tất cả các sản phẩm sữa khác. Sữa bột cũng là phân khúc phát triển nhanh nhất, theo sát sau đó là sữa tươi.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong 2009 mặc dù sụt giảm nhưng vẫn được IMF và World Bank dự báo ở mức 5% hoặc hơn. Quy mô dân số năm 2008 đạt 86 triệu người, tỷ lệ tăng dân số khoảng 1,2%, tốc độ đô thị hóa tăng dần với tỷ lệ dân số thành thị tăng từ 25% năm 2003 lên 28% năm 2008. Đây là các yếu tố giúp kích thích nhu cầu tiêu thụ sữa trong tương lai.

Công suất thiết kế

Tổng công suất hiện nay của Vinamilk là 504 nghìn tấn/năm, với hiệu suất sử dụng đạt gần 70%. Trong năm 2008, Vinamilk đã hoàn tất và đưa vào sử dụng nhà máy sữa Tiên Sơn đặt tại khu công nghiệp Tiên Sơn, Bắc Ninh, sản xuất sữa tiệt trùng, sữa chua uống, sữa chua ăn và nước trái cây, phục vụ cho khu vực phía Bắc. Công ty cũng đã đưa vào sản xuất dây chuyền sữa chua men sống Probi với công suất 3,5 triệu lít/năm, đồng thời tiếp tục đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị tại các nhà máy hiện tại. Tháng 12/2008, giai đoạn 2 của nhà máy cà phê Sài Gòn cũng đã hoàn tất, nâng công suất của nhà máy lên 6.000 tấn cà phê rang xay và 1.500 tấn cà phê hòa tan.

Nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng trong tương lai, Vinamilk đã lên kế hoạch xây dựng một nhà máy mega tại Bình Dương và di dời 2 nhà máy từ Thủ Đức về đây. Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường nước giải khát, Vinamilk cũng có kế hoạch đầu tư 1 nhà máy nước giải khát có lợi cho sức khỏe với những sản phẩm như nước ép trái cây, sữa đậu nành và các sản phẩm nước giải khát có nguồn gốc từ thiên nhiên khác.

Cạnh tranh

Thị trường sữa Việt Nam có mức độ cạnh tranh cao. Bên cạnh các nhà sản xuất sữa trong nước, Vinamilk còn phải cạnh tranh với các sản phẩm nhập khẩu với những tên tuổi lớn như Abbott, Mead Johnson, Nestlé, Dutch Lady, v.v. Mặc dù vậy, năm vừa qua Vinamilk vẫn tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu với thị phần tính chung cho tất cả sản phẩm sữa vào khoảng 37%.

Thuế

Theo cam kết gia nhập WTO, mức thuế nhập khẩu sữa bột thành phẩm đến năm 2012 sẽ ở mức 25%. Tuy nhiên, mức thuế nhập khẩu hiện nay đang thấp hơn cam kết, tạo điều kiện cho các sản phẩm sữa bột nhập khẩu cạnh tranh dễ dàng hơn với các sản phẩm nội địa.

Thuế nhập khẩu nguyên liệu sữa cũng tạm thời thấp hơn cam kết với WTO. Việt Nam vẫn phải nhập khẩu khoảng 75% nguyên liệu bột sữa để sản xuất do nguồn cung trong nước không đáp ứng đủ nhu cầu, việc giảm thuế sẽ có lợi cho nhà sản xuất trong nước. Tuy nhiên, hiện cũng đang có một số đề xuất tăng thuế nhập khẩu để bảo vệ ngành chăn nuôi bò sữa trong nước.

KẾT QUẢ KINH DOANH

Tổng doanh thu của Vinamilk tiếp tục tăng mạnh trong năm 2008 với tỷ lệ tăng trưởng 25,5% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu nội địa tăng 19,4%, doanh thu xuất khẩu tăng 79,7% so với năm 2007. Tính từ sau khi cổ phần hóa vào tháng 11/2003 đến nay, doanh thu của Vinamilk tăng trưởng với tốc độ bình quân là 22,1%/năm.

Doanh thu năm 2008 tăng chủ yếu do tăng trưởng của nhóm sữa bột – bột dinh dưỡng, nhóm sữa nước và nhóm sữa chua, với tốc độ tăng trưởng của cả 3 nhóm này đều trên 30%.

Một trong các yếu tố đóng góp vào thành công này là hệ thống phân phối nội địa trải rộng của Vinamilk, với độ bao phủ 125.000 điểm bán lẻ hiện nay. Hệ thống tủ đông, tủ mát, xe lạnh cũng được đầu tư mở rộng để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của nhóm sữa chua. Trong năm 2008, Vinamilk đã đầu tư hơn 7.000 tủ đông, tủ mát cho hệ thống phân phối hàng lạnh và hơn 300 xe tải nhỏ cho các nhà phân phối.

Bên cạnh đó, chất lượng sản phẩm bảo đảm cũng là yếu tố giúp Vinamilk vượt qua sự kiện melamine, trong khi một số nhà sản xuất khác gặp bất lợi từ sự kiện này và một số sự kiện liên quan đến chất lượng sữa thành phẩm.

Lợi nhuận gộp của Vinamilk đang được duy trì ở mức cao và tăng dần qua các năm, từ mức 25,1% năm 2006 lên mức 26% năm 2007 và đạt 31,6% năm 2008. Kết quả này đạt được do khả năng quản lý chi phí cũng như việc thay đổi cơ cấu sản phẩm theo hướng tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng.

Về mặt số tuyệt đối, giá vốn hàng bán tăng từ 4.836 tỷ đồng năm 2007 lên 5.611 tỷ đồng năm 2008, tương ứng với tăng 16% mặc dù giá nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là sữa tươi và bột sữa đứng ở mức cao. Trong năm 2008, Vinamilk đã thu mua 118 nghìn tấn sữa tươi, với giá trị gần 840 tỷ đồng, tăng 14,2% về sản lượng và 34,2% về giá trị. Ngược lại, chi phí bao bì sử dụng trong kỳ được kiểm soát tốt nên chỉ tăng 12,9%.

Tỷ trọng doanh thu sản phẩm

Thay đổi lớn nhất là nhóm sản phẩm sữa bột – bột dinh dưỡng, với tỷ trọng tăng từ 24% năm 2007 lên 29% năm 2008. Tỷ trọng nhóm sữa nước tăng nhẹ từ 26,5% lên 27,1%, trong khi nhóm sữa chua ăn tăng từ 12% lên 13% năm 2008. Ngược lại, nhóm sữa đặc giảm từ 36% xuống còn 29%, giảm 7%.

Doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2008

Tăng nhẹ so với năm 2007, từ 258 tỷ năm 2007 lên 265 tỷ năm 2008, tương ứng với mức tăng 3%. Doanh thu tài chính tăng do khoản cổ tức và lợi nhuận được chia tăng từ 10 tỷ lên 30 tỷ đồng, và lãi chênh lệch tỷ giá tăng từ 9 tỷ đồng lên 46 tỷ đồng trong cùng giai đoạn.

Chi phí tài chính

Tăng mạnh từ 26 tỷ đồng năm 2007 lên 198 tỷ đồng trong năm 2008 do khoản 123 tỷ đồng dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và lỗ chênh lệch tỷ giá tăng 32 tỷ đồng, từ 15 tỷ đồng năm 2007 lên 47 tỷ đồng năm 2008.

Chi phí bán hàng trong năm 2008

Đạt 1.052 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2007, thấp hơn tốc độ tăng doanh thu nên tỷ suất chi phí bán hàng/doanh thu thuần trong năm 2008 giảm nhẹ xuống mức 12,8% so với mức 13,2% năm 2007. Tỷ suất chi phí bán hàng/doanh thu thuần giảm do chi phí khuyến mãi và hỗ trợ nhà phân phối giảm.

Chi phí quản lý trong năm 2008

Tăng cả về số tuyệt đối lẫn tỷ lệ so với doanh thu. Chi phí quản lý năm 2008 là 298 tỷ đồng, tăng 45,8% so với mức 204 tỷ đồng năm 2007, chủ yếu do chi phí dịch vụ mua ngoài. Tỷ suất chi phí quản lý/doanh thu thuần năm 2008 tăng nhẹ nhưng vẫn được duy trì ở mức thấp là 3,6%.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2008 tăng 52% so với năm 2007, cao hơn mức tăng 40% của năm 2007 so với năm 2006. Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần đạt 16%, cao hơn nhiều so với mức 13,2% năm 2007 và mức 9,9% năm 2006, chủ yếu do doanh thu tăng nhanh hơn chi phí.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH DOANH

Mục tiêu của Công ty là tối đa hóa giá trị của cổ đông và theo đuổi chiến lược phát triển kinh doanh dựa trên những yếu tố chủ lực sau:

- củng cố, xây dựng và phát triển một hệ thống các thương hiệu cực mạnh đáp ứng tốt nhất các nhu cầu và tâm lý tiêu dùng của người tiêu dùng Việt Nam;
- Phát triển thương hiệu Vinamilk thành thương hiệu dinh dưỡng có uy tín khoa học và đáng tin cậy nhất với mọi người dân Việt Nam thông qua chiến lược áp dụng nghiên cứu khoa học về nhu cầu dinh dưỡng đặc thù của người Việt Nam để phát triển ra những dòng sản phẩm tối ưu nhất cho người tiêu dùng Việt Nam;
- Đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh qua thị trường của các mặt hàng nước giải khát có lợi cho sức khỏe của người tiêu dùng thông qua thương hiệu chủ lực VFresh nhằm đáp ứng xu hướng tiêu dùng tăng nhanh đối với các mặt hàng nước giải khát đến từ thiên nhiên và có lợi cho sức khỏe con người;
- Củng cố hệ thống và chất lượng phân phối nhằm giành thêm thị phần tại các thị trường mà Vinamilk có thị phần chưa cao, đặc biệt là tại các vùng nông thôn và các đô thị nhỏ;
- Đầu tư toàn diện cả về xây dựng thương hiệu mạnh, phát triển hệ thống sản phẩm mới và nâng cao chất lượng hệ thống phân phối lạnh với mục tiêu đưa ngành hàng lạnh (sữa chua ăn, kem, sữa thanh trùng các loại) thành một ngành hàng có đóng góp chủ lực nhất cho Công ty cả về doanh số và lợi nhuận;
- Khai thác sức mạnh và uy tín của thương hiệu Vinamilk là một thương hiệu dinh dưỡng có “uy tín khoa học và đáng tin cậy nhất của người Việt Nam” để chiếm lĩnh ít nhất là 35% thị phần của thị trường sữa bột trong vòng 2 năm tới;

- Phát triển toàn diện danh mục các sản phẩm sữa và từ sữa nhằm hướng tới một lượng khách hàng tiêu thụ rộng lớn, đồng thời mở rộng sang các sản phẩm giá trị cộng thêm nhằm nâng cao tỷ suất lợi nhuận chung của toàn Công ty;
- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý hệ thống cung cấp;
- Tiếp tục mở rộng và phát triển hệ thống phân phối chủ động, vững mạnh và hiệu quả;
- Phát triển nguồn nguyên liệu để đảm bảo nguồn cung sữa tươi ổn định, chất lượng cao với giá cạnh tranh và đáng tin cậy.

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Thị trường nội địa:

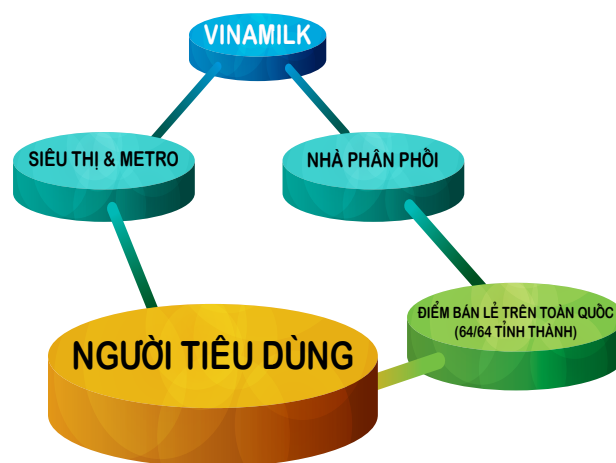
Doanh thu nội địa chiếm hơn 80% tổng doanh thu của Công ty và là thị trường chính trong chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty. Sản phẩm được phân phối đến người tiêu dùng thông qua hai kênh:

Truyền thông:

Nhà phân phối → điểm bán lẻ → người tiêu dùng.

Hiện đại:

Siêu thị và Metro → người tiêu dùng.



Thị trường xuất khẩu:

Doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ lệ khoảng 15-20% tổng doanh thu của Công ty. Thị trường xuất khẩu chính của Công ty là các nước thuộc khu vực Trung Đông, Campuchia, Philippines và Úc.

Công ty luôn tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước khác trong khu vực và trên thế giới nhằm duy trì và phát triển doanh thu xuất khẩu.

Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là sữa bột và sữa đặc.



Công ty tin rằng thành công đến nay và tiềm năng tăng trưởng trong tương lai là nhờ sự phối hợp của các thế mạnh dưới đây:

- Lợi thế về quy mô tạo ra từ thị phần lớn trong hầu hết các phân khúc sản phẩm sữa và từ sữa, với hơn 45% thị phần trong thị trường sữa nước, hơn 85% thị phần trong thị trường sữa chua ăn và sữa đặc, trong đó 2 ngành hàng chủ lực sữa nước và sữa chua ăn có mức tăng trưởng liên tục hơn 30% mỗi năm;
- Sở hữu thương hiệu mạnh Vinamilk, là thương hiệu đang dẫn đầu rõ rệt về mức độ tin dùng và yêu thích của người tiêu dùng Việt Nam đối với sản phẩm dinh dưỡng;
- Mạng lưới phân phối và bán hàng chủ động và rộng khắp cả nước cho phép các sản phẩm chủ lực của Vinamilk có mặt tại trên 125.000 điểm bán lẻ lớn nhỏ trên toàn quốc;
- Có mối quan hệ đối tác chiến lược bền vững với các nhà cung cấp, đảm bảo được nguồn nguyên liệu ổn định, đáng tin cậy với giá cạnh tranh nhất trên thị trường;
- Năng lực nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới theo xu hướng và nhu cầu tiêu dùng của thị trường;
- Hệ thống và quy trình quản lý chuyên nghiệp được vận hành bởi một đội ngũ các nhà quản lý có năng lực và kinh nghiệm được chứng minh thông qua kết quả hoạt động kinh doanh bền vững của Công ty;
- Thiết bị và công nghệ sản xuất hiện đại và tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế.





4 thương hiệu tạo dựng MỘT DOANH NGHIỆP

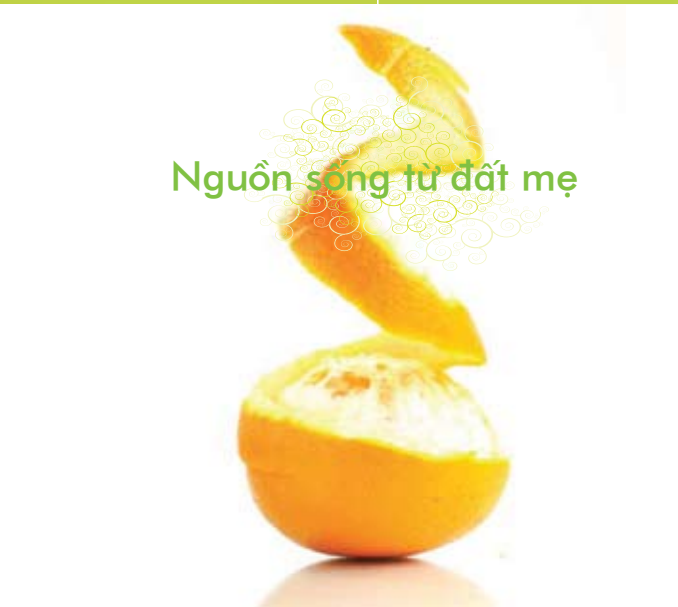




Cuộc sống tươi đẹp



Tình yêu của Mẹ



Nguồn sống từ đất mẹ



Cảm xúc thăng hoa

Danh mục sản phẩm của Vinamilk rất đa dạng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Công ty có 4 thương hiệu lớn, trong đó Vinamilk và Dielac là hai nhãn hiệu chủ lực và Vfresh là nhãn hiệu mới có tiềm năng phát triển rất lớn.



Các sản phẩm sữa:

Nhãn hiệu “Vinamilk” là một trong các thương hiệu chủ lực cho sữa nước, sữa chua uống, sữa chua ăn, kem, sữa men sống và phô mai. Chúng tôi đã tập trung xây dựng hình ảnh sản phẩm gắn liền với sức khỏe và cuộc sống tươi đẹp.

SỮA NƯỚC

1. Sữa nước cho gia đình

- **Vinamilk sữa tươi 100%:**
Được làm từ 100% sữa tươi nguyên chất với những dưỡng chất thuần khiết nhất từ thiên nhiên, cho bạn một sức sống dồi dào để thưởng thức trọn vẹn một cuộc sống tươi đẹp.
- **Vinamilk Flex:**
Ít béo và giàu canxi, là nguồn dưỡng chất lý tưởng để cơ thể bạn luôn cân đối, khỏe khoắn và tràn đầy sức sống.



2. Sữa nước cho trẻ em

Từ sữa bò giàu canxi và khoáng chất, được xử lý bằng công nghệ tiệt trùng hiện đại bảo toàn giúp trẻ phát triển cao lớn, mạnh khỏe, nhanh nhẹn và thông minh.





SỮA CHUA

1. Sữa chua uống

Có 2 dòng sản phẩm là Sữa chua uống Vinamilk và Sữa chua uống SUSU với nhiều hương vị khác nhau. Sữa chua là sản phẩm có lợi cho hệ thống tiêu hóa và mang lại nguồn dinh dưỡng tốt cho sức khỏe.



2. Sữa chua ăn

Được làm bằng sữa tươi nguyên chất 100%, có nhiều hương vị như nha đam, dâu, cam,... chứa nhiều đạm, vitamin, các khoáng chất và Canxi cần thiết cho cơ thể. Sữa chua ăn giúp cho hệ tiêu hóa khỏe mạnh, tăng cường hệ miễn dịch, giúp xương chắc khỏe, đồng thời đem lại làn da tươi tắn, mịn màng và một vóc dáng cân đối.



3. Sữa chua men sống Probi

Vinamilk Probi là sản phẩm sữa chua lên men từ hàng tỉ men sống Lactobacillus Casei, hoạt động tích cực trong hệ tiêu hóa, giúp tăng cường sức đề kháng cho hệ tiêu hóa, giúp thanh lọc độc chất từ thực phẩm và môi trường bên ngoài, đồng thời giúp hấp thu tối đa các chất dinh dưỡng.

Uống sữa chua men sống Vinamilk Probi mỗi ngày là cách tự nhiên nhất cho một hệ tiêu hóa khỏe khoắn từ bên trong.



SỮA BỘT

1. Sữa bột Dielac Mama dành cho bà mẹ mang thai

Dành riêng cho phụ nữ trong thời kỳ mang thai và cho con bú; đầy đủ và cân đối chất dinh dưỡng, bổ sung canxi, sắt, kẽm, I ốt, vitamin A, C, D3, E và hỗn hợp vitamin B, tăng cường sức khỏe của bà mẹ và giúp cho sự phát triển hoàn thiện của bé, phòng ngừa nguy cơ để lại những di chứng khó khắc phục khi trẻ trưởng thành.



2. Sữa bột dành cho trẻ em

Với Công thức độc quyền Alpha bổ sung sữa non Colostrum, DHA, Choline, Omega 3, Omega 6, Vitamin và các dưỡng chất cần thiết khác nhằm cung cấp cho bé một năng lượng sống và sức đề kháng mạnh mẽ.

- Dielac Alpha Step 1 : 0 – 6 tháng tuổi
- Dielac Alpha Step 2 : 7 – 12 tháng tuổi
- Dielac Alpha 123 : 1 – 3 tuổi
- Dielac Alpha 456 : 4 – 6 tuổi



3. Sữa bột dành cho người lớn

- **Dielac Canxi:**

Giàu dinh dưỡng, với hàm lượng Canxi cao và ít béo phòng ngừa bệnh loãng xương, chăm sóc và giúp tim hoạt động tốt hơn.

- **Dielac Sure:**

Giàu đạm, béo cao, không chứa đường lactose, không chứa cholesterol thích hợp với người lớn tuổi và các bệnh nhân phục hồi nhanh sức khỏe.

- **Dielac Diacerna:**

Dành cho người bệnh tiểu đường với công thức cân bằng tối ưu cung cấp đầy đủ những dưỡng chất cần thiết.



SỮA ĐẶC

1. Sữa đặc Ông Thọ

Cho nhu cầu đa dạng của mọi người, được chế biến từ sữa bò cao cấp, bột sữa, chất béo, đường kính và vitamin A, D, B1.



2. Ngôi Sao Phương Nam

Thành phần chất béo dầu thực vật, không chứa Cholesterol rất thích hợp với người lớn tuổi và người cần hạn chế chất béo động vật. Ngôi Sao Phương Nam nhãn xanh rất thích hợp pha cà phê, làm bánh và làm yaourt.



KEM

Nhiều hương vị trái cây tự nhiên: dâu, sầu riêng, dứa, khoai môn, đậu xanh ... được đóng trong bao bì hộp 1 lít hoặc 450ml tiện lợi cho người sử dụng.

Kem Vinamilk còn có loại ly và cây rất phù hợp với các em thiếu nhi.



PHÔ MAI

Được chế biến trên dây chuyền của Pháp, có giá trị dinh dưỡng và hàm lượng canxi cao.



Các sản phẩm không sữa:

CÀ PHÊ

Café Moment được sản xuất từ những hạt cà phê hảo hạng, hương vị quyến rũ kết hợp với bột kem thơm ngon mang lại những khoảnh khắc khó quên.



VFRESH

1. Sữa đậu nành Vfresh

Sữa đậu nành Vfresh chứa 6.4 gam đạm đậu nành trên mỗi khẩu phần 200ml được Viện Dinh Dưỡng Quốc Gia chứng nhận đạt tiêu chuẩn TỐT CHO TIM MẠCH

Không chứa cholesterol, không chứa chất bảo quản và hương vị thơm ngon, sữa đậu nành Vfresh là thức uống bổ dưỡng tuyệt hảo cho bạn và cả gia đình mỗi ngày.



2. Nước ép trái cây Vfresh 100% nguyên chất

100% nguyên chất, không chất bảo quản, hương vị thơm ngon, nước ép trái cây Vfresh là nguồn cung cấp Vitamin từ đất mẹ thiên nhiên cho cơ thể khỏe mạnh và năng động mỗi ngày.



3. Necta Vfresh

Necta trái cây Vfresh với hương vị tuyệt hảo của trái cây tươi, đa dạng chủng loại bao bì mang lại cảm giác sảng khoái, tươi trẻ mỗi ngày.



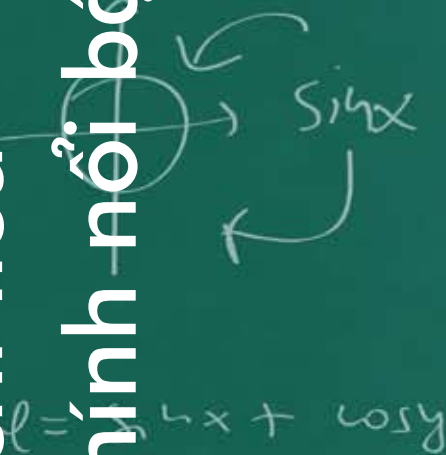
Các chỉ tiêu tài chính nổi bật

- ▶ Thành tích nổi bật
- ▶ Sự kiện tiêu biểu

$$\textcircled{1} \cos^2 x + \sin^2 x = 1$$

$$\sqrt{2x+1} + \sin x = 5$$

$$y_p = Ax + Bx$$



Page No. 8

1. Aufgabe:

$$4x^2 + 2x + 1 = 0$$

$$4x^2 + 2x + 1 = 0$$

Lösung:

2. Aufgabe:

$$4x^2 + 2x + 1 = 0$$

$$4x^2 + 2x + 1 = 0$$

Lösung:

3. Aufgabe:

$$4x^2 + 2x + 1 = 0$$

$$4x^2 + 2x + 1 = 0$$

Lösung:

4. Aufgabe:

$$4x^2 + 2x + 1 = 0$$

$$4x^2 + 2x + 1 = 0$$

Lösung:

5. Aufgabe:

$$4x^2 + 2x + 1 = 0$$

$$4x^2 + 2x + 1 = 0$$

Lösung:

6. Aufgabe:

$$4x^2 + 2x + 1 = 0$$

$$4x^2 + 2x + 1 = 0$$

Lösung:

7. Aufgabe:

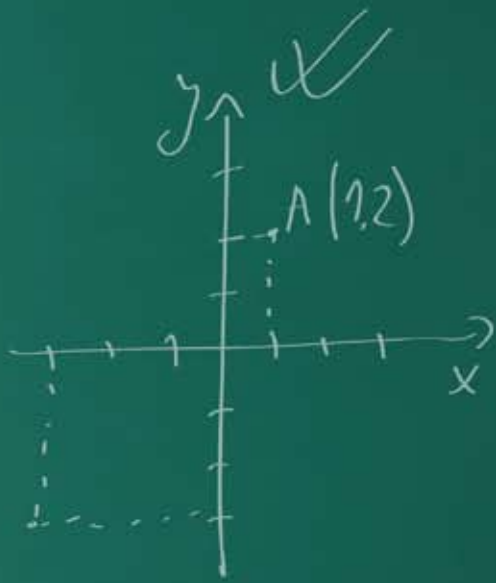
$$4x^2 + 2x + 1 = 0$$

$$4x^2 + 2x + 1 = 0$$

Handwritten mathematical solutions on a piece of paper. The solutions are for a series of problems, likely related to the equations on the chalkboard. The solutions involve quadratic equations and trigonometric identities. A score of 10 is circled in red at the top right. The solutions are written in black ink with some red checkmarks and a red circle around the final answer.

$= z$
 $= 2z$

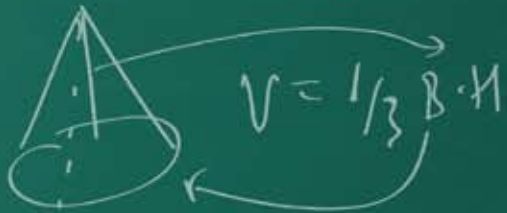




$$\left. \begin{aligned} x^2 + y^2 - 1 &= z \\ 3x^2 + 2y^2 - 3 &= 2z \end{aligned} \right\}$$

$$x_{1/2} = \frac{-b \pm \sqrt{b^2 - 4ac}}{2a}$$

$$x_{1/2} = \frac{-b \pm \sqrt{b^2 - 4ac}}{2a}$$

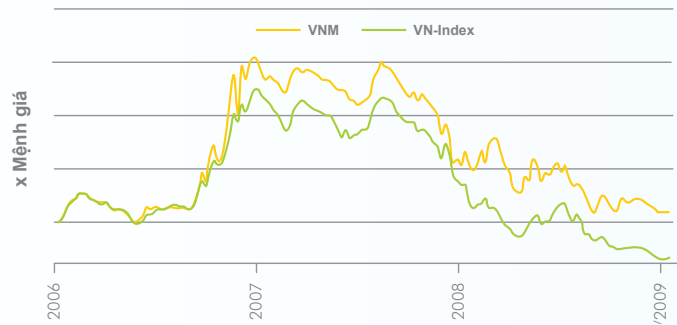
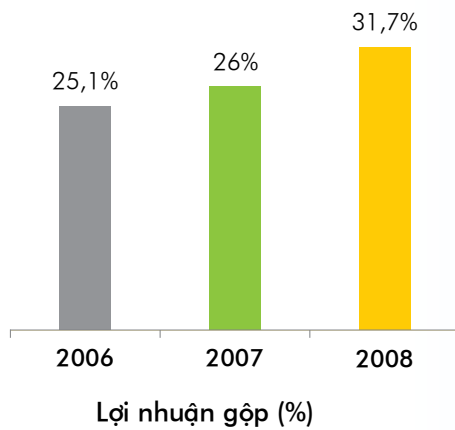


$$e^{x^2} = e^{2x+3} \Rightarrow x^2 = 2x+3$$

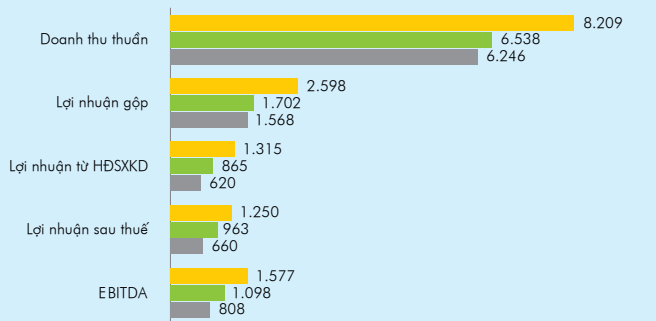
Bí quyết cho sự vượt trội



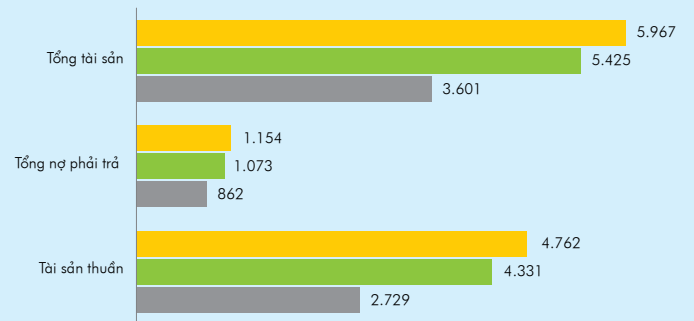
“Trời cao rộng hơn sau mỗi cơn bão lớn”



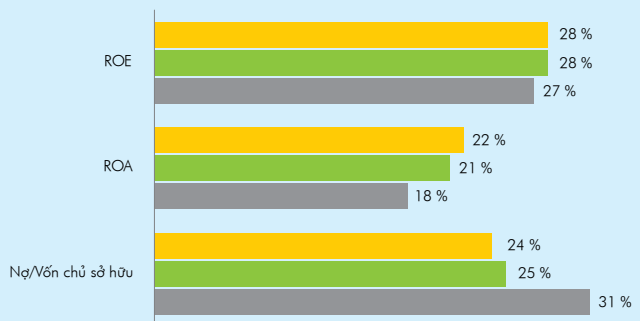
Kết quả kinh doanh (tỷ đồng)



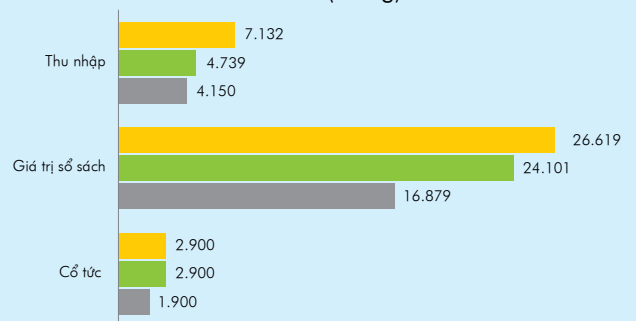
Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)



Chỉ số tài chính



Tính trên 1 cổ phiếu (Đồng)



2008 2007 2006

VND **1.2**
ngàn tỷ ↑
 LỢI NHUẬN SAU THUẾ

	2008	2007	2006
Kết quả kinh doanh (tỷ đồng)			
Doanh thu thuần	8.208.982	6.537.964	6.245.619
Lợi nhuận gộp	2.598.013	1.701.681	1.567.505
Lợi nhuận từ HĐSXKD	1.315.090	865.129	620.247
Lợi nhuận sau thuế	1.250.120	963.448	659.890
EBITDA	1.567.714	1.097.820	807.587
Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)			
Tổng tài sản	5.966.959	5.425.117	3.600.533
Tổng nợ phải trả	1.154.432	1.073.230	862.150
Tài sản thuần	4.761.659	4.331.172	2.729.242
Chỉ số tài chính			
ROE	28%	28%	27%
ROA	22%	21%	18%
Nợ/Vốn chủ sở hữu	24%	25%	31%
Tính trên 1 cổ phiếu (Đồng)			
Thu nhập	7.132	4.739	4.150
Giá trị sổ sách	26.619	24.101	16.879
Cổ tức	2.900	2.900	1.900

Ngày 25/06/2008

Quyết định phê duyệt khởi động dự án xây dựng nhà máy nước giải khát có lợi cho sức khỏe đặt tại Khu công nghiệp Mỹ Phước II, tỉnh Bình Dương, với vốn đầu tư hơn 300 tỷ đồng cho giai đoạn 2009 – 2012.



Ngày 30/06/2008

“Quỹ một triệu ly sữa cho trẻ em nghèo Việt Nam” do Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam và Vinamilk sáng lập ra đời, với chủ tịch là Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội. Quỹ đã đi tới hơn 28 tỉnh thành trong cả nước cùng với sự ủng hộ nhiệt tình của xã hội.

Ngày 5/9/2008 – Vinamilk nâng số cam kết cho Quỹ một triệu ly sữa cho trẻ em nghèo Việt Nam lên 10 tỷ đồng, tương đương với ba triệu ly sữa sẽ chuyển đến cho trẻ em. Thành công này đến từ sự ủng hộ nhiệt tình của người tiêu dùng cả

nước đối với chương trình. Theo đó, khi người tiêu dùng mua một hộp sữa Vinamilk sẽ đóng góp 60 đồng cho Quỹ. Mục đích của chương trình này nhằm giúp đỡ trẻ em Việt Nam đặc biệt là trẻ em nghèo trong thời kỳ khó khăn. Trẻ em nghèo cũng có quyền được uống sữa và phát triển bình đẳng như bao trẻ em khác.



Tháng 9/2008

Cơn bão melamine xuất phát từ Trung Quốc đã ảnh hưởng đến Việt Nam. Tuy nhiên, thương hiệu và uy tín của Vinamilk không bị ảnh hưởng vì tất cả nguyên liệu, sản phẩm của Vinamilk đều được Bộ Y tế chính thức xác nhận không chứa melamine và đảm bảo an toàn sức khỏe cho người tiêu dùng.

Ngày 17/09/2008

Nhận giải thưởng Quảng cáo hiệu quả nhất 2008 (Most effective Use of Advertising) cho chiến dịch tung sản phẩm “Sữa tươi nguyên chất 100%”. Giải thưởng này nằm trong hệ thống giải thưởng uy tín và danh giá Asian Marketing Effectiveness Awards được tổ chức thường niên do tạp chí MEDIA magazine Asia phối hợp với tập đoàn truyền thông Haymedia của Anh nhằm tổng kết những chương trình Marketing, đánh giá hiệu quả của những chiến dịch quảng cáo và tiếp thị nổi bật, đồng thời tôn vinh những chiến dịch quảng cáo xuất sắc nhất của Châu Á trong năm.

Ngày 01/08/2008

Tài trợ trường bóng đá cộng đồng Vinamilk - Arsenal tại sân vận động Hoa Lư, số 2 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP. HCM. Đây là trung tâm duy nhất tại Việt Nam thuộc hệ thống Trung tâm bóng đá Arsenal dành cho phong trào bóng đá cộng đồng với sự hỗ trợ của Liên đoàn bóng đá TP. HCM và Sở VH-TT & DL TP. HCM. Vinamilk tin tưởng sự kết hợp giữa dinh dưỡng và vận động sẽ tạo nên sự phát triển toàn diện của trẻ. Đây là một sân chơi xanh, sạch, lành mạnh để trẻ từ 3 - 12 tuổi được vận động, vui chơi dưới sự hướng dẫn của các huấn luyện viên và chuyên gia được đào tạo từ CLB Arsenal Anh Quốc.



Ngày 31/10/2008

Vinamilk là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên chính thức nhận được Thư chấp thuận niêm yết có điều kiện từ Sở Giao dịch Chứng khoán Singapore, cho phép Vinamilk phát hành và niêm yết 8.763.784 cổ phần phổ thông mới của Vinamilk trên sàn giao dịch chính của Sở Giao dịch Chứng khoán Singapore.

Ngày 08/11/2008

Quyết định phê duyệt dự án quy hoạch lại các nhà máy sản xuất tại Miền Nam cho phù hợp với chiến lược phát triển lâu dài với vốn đầu tư trên 1.330 tỷ đồng cho giai đoạn 2009 - 2012.



Ngày 25/11/2008

Vinamilk được xếp Top 10 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Báo VietNamNet kết hợp với Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) công bố trong bảng xếp hạng VNR500 - Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2008.



- ▶ Giới thiệu công ty
- ▶ Cơ cấu tổ chức công ty
- ▶ Sơ đồ tổ chức nhân sự
- ▶ Giới thiệu HĐQT
- ▶ Giới thiệu Ban tổng giám đốc
- ▶ Giới thiệu Ban kiểm soát

Giới thiệu công ty



Vinamilk đầu tư cho tương lai



Các sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty như sau:

1976

Tiền thân là Công ty Sữa, Café Miền Nam thuộc Tổng Công ty Thực Phẩm, với 6 đơn vị trực thuộc là Nhà máy sữa Thống Nhất, Nhà máy sữa Trường Thọ, Nhà máy sữa Dielac, Nhà máy Café Biên Hòa, Nhà máy Bột Bích Chi và Lubico.

1978

Công ty được chuyển cho Bộ Công Nghiệp thực phẩm quản lý và Công ty được đổi tên thành Xí Nghiệp Liên hợp Sữa Café và Bánh Kẹo I.

1992

Xí Nghiệp Liên hợp Sữa Café và Bánh Kẹo I được chính thức đổi tên thành Công ty Sữa Việt Nam và thuộc sự quản lý trực tiếp của Bộ Công Nghiệp Nhẹ.

1996

Liên doanh với Công ty Cổ phần Đông lạnh Quy Nhơn để thành lập Xí Nghiệp Liên Doanh Sữa Bình Định. Liên doanh này tạo điều kiện cho Công ty thâm nhập thành công vào thị trường Miền Trung Việt Nam.

2003

Chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần vào tháng 11 năm 2003 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam cho phù hợp với hình thức hoạt động mới của Công ty.

2004

Công ty thực hiện việc mua thu tóm Công ty Cổ phần sữa Sài Gòn, tăng vốn điều lệ đăng ký của Công ty lên con số 1.590 tỷ đồng.

2005

Mua số cổ phần còn lại của đối tác liên doanh trong Công ty Liên doanh Sữa Bình Định (sau đổi thành Nhà máy Sữa Bình Định). Khánh thành Nhà máy Sữa Nghệ An ngày 30/06/2005 đặt tại Khu Công Nghiệp Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An.

Liên doanh với SABMiller Asia B.V để thành lập Công ty TNHH Liên Doanh SABMiller Việt Nam tháng 8 năm 2005. Sản phẩm đầu tiên của liên doanh mang thương hiệu Zorok được tung ra thị trường vào giữa năm 2007.

2006

Vinamilk niêm yết trên thị trường chứng khoán TP. HCM ngày 19/01/2006, trong đó tỷ lệ vốn do Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước nắm giữ là 50,01% vốn điều lệ.

Mở Phòng khám An Khang tại TP. HCM tháng 6/2006. Đây là phòng khám đầu tiên tại Việt Nam quản trị bằng hệ thống thông tin điện tử, cung cấp

các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng, khám phụ khoa, tư vấn nhi khoa và khám sức khỏe tổng quát.

Khởi động chương trình trang trại bò sữa bắt đầu từ việc mua thu tóm trang trại Bò sữa Tuyên Quang vào tháng 11 năm 2006, một trang trại nhỏ với đàn bò sữa khoảng 1.400 con. Trang trại này cũng được đi vào hoạt động ngay sau khi được mua thu tóm.

2007

Mua cổ phần chi phối 55% của Công ty sữa Lam Sơn vào tháng 9 năm 2007, có trụ sở tại Khu công nghiệp Lễ Môn, Tỉnh Thanh Hóa.

DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC

Công ty, sản phẩm và thương hiệu Vinamilk của chúng tôi đã đạt được nhiều danh hiệu quý giá. Sau đây là một số danh hiệu tiêu biểu:

Thời gian	Danh hiệu	Cơ quan trao tặng
1985	Huân chương Lao động Hạng III	Chủ tịch nước
1991	Huân chương Lao động Hạng II	Chủ tịch nước
1996	Huân chương Lao động Hạng I	Chủ tịch nước
2000	Anh Hùng Lao động	Chủ tịch nước
2005	Huân chương Độc lập Hạng III	Chủ tịch nước
2006	“Siêu Cúp” Hàng Việt Nam Chất lượng cao và uy tín	Hiệp hội sở hữu trí tuệ & Doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam
Các năm từ 1995 - 2009	Top 10 “Hàng Việt nam Chất lượng cao”	Báo Sài Gòn Tiếp thị
2008	“Cúp vàng – Thương hiệu chứng khoán Uy tín” và “Công ty Cổ phần Hàng đầu Việt Nam”	UBCKNN - Ngân hàng Nhà nước, Hội Kinh doanh Chứng khoán - Công ty Chứng khoán và Thương mại Công nghiệp Việt Nam và Công ty Văn hóa Thăng Long

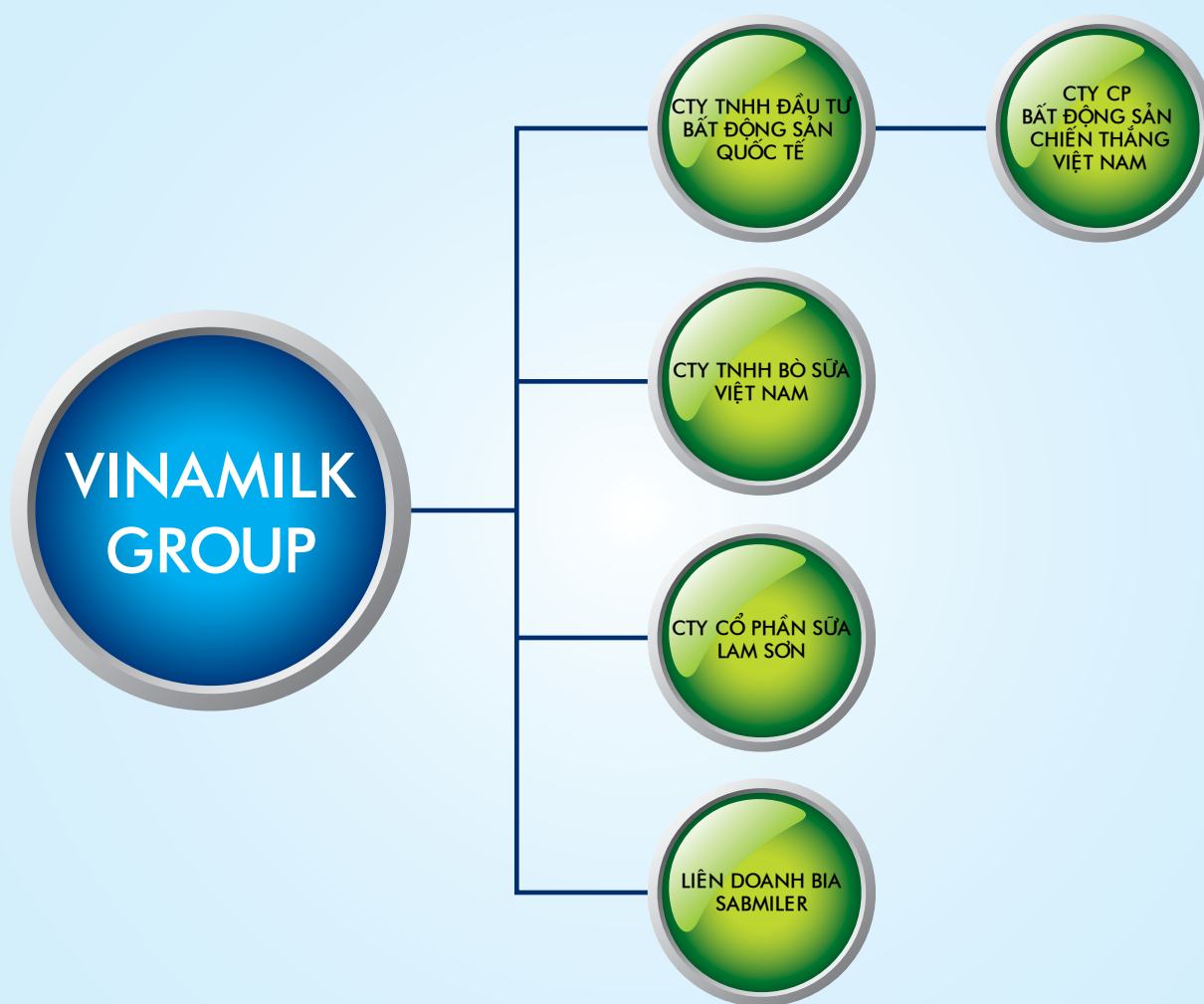




Để ghi nhận sự đóng góp đối với sự phát triển của ngành công nghiệp sữa và sự phát triển kinh tế của Việt Nam, Bà Mai Kiều Liên, Chủ tịch HĐQT đã được trao tặng các danh hiệu cao quý sau đây:

Thời gian	Danh hiệu	Cơ quan trao tặng
2006	Huân chương Lao động Hạng I	Chủ tịch nước
2005	Anh Hùng Lao động	Chủ tịch nước
2005	Giải Nhất Sáng Tạo năm 2004	Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới
2001	Huân chương Lao động Hạng II	Chủ tịch nước

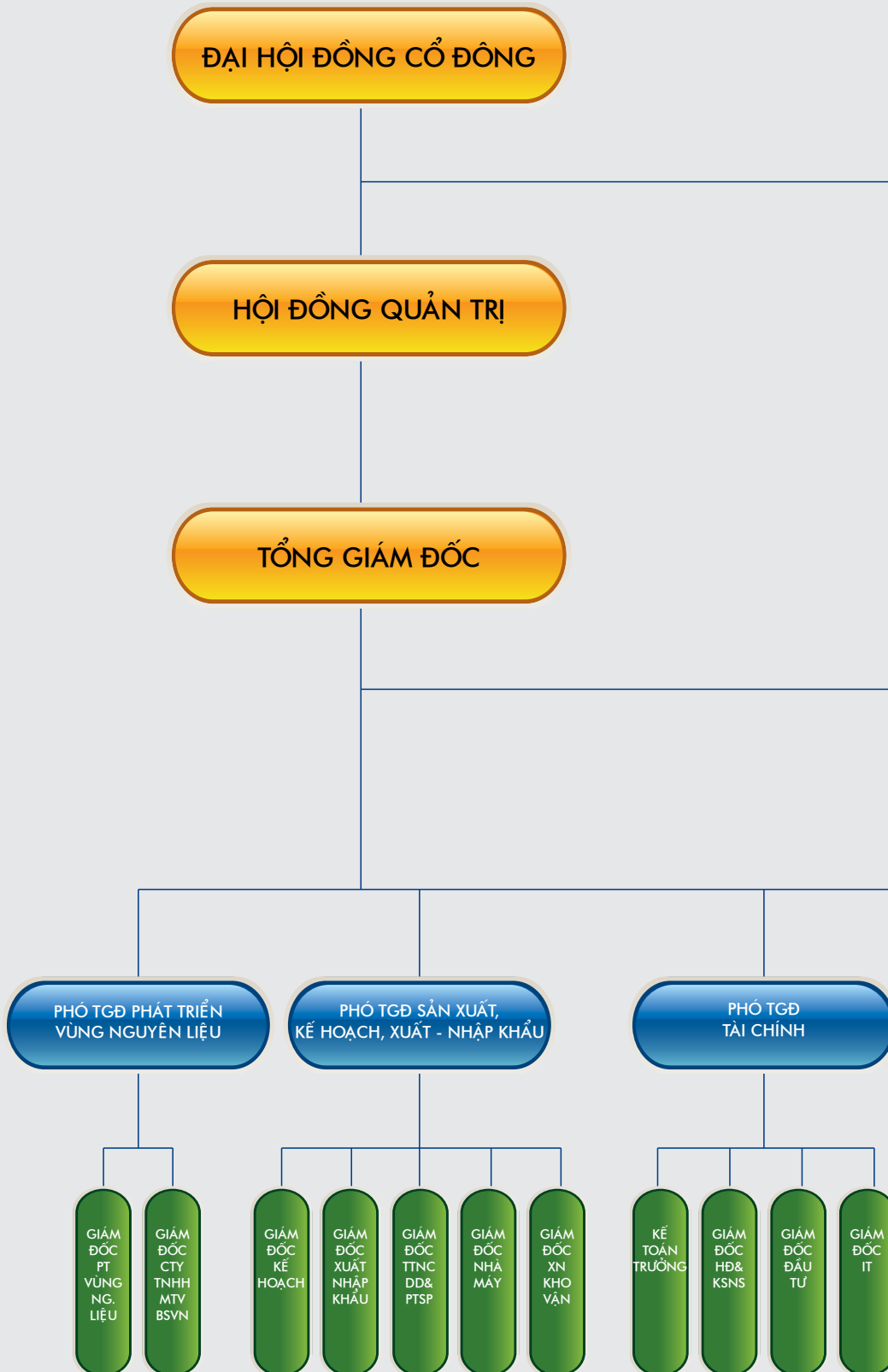




Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có các công ty con và liên doanh như sau:

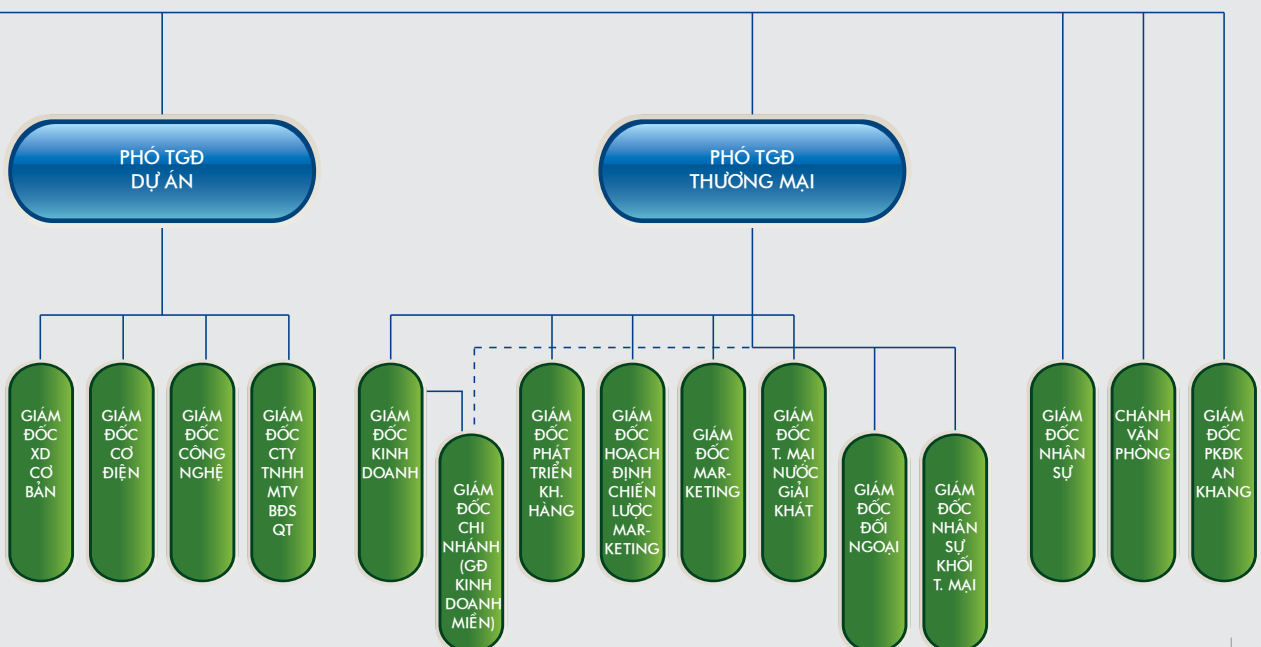
Tên	Ngày thành lập	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của Vinamilk (%)
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	12/12/2006	Kinh doanh nhà, môi giới, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho, bến bãi	160 tỷ đồng	100%
Công ty Cổ Phần Bất Động Sản Chiến Thắng Việt Nam	21/12/2007	Kinh doanh bất động sản; dịch vụ bất động sản; kinh doanh nhà hàng, khách sạn; cho thuê văn phòng; xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	45 tỷ đồng	64,25%
Công ty TNHH Một Thành viên Bò sữa Việt Nam	14/12/2006	Chăn nuôi bò sữa, trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp, mua bán động vật sống	100 tỷ đồng	100%
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	26/02/2007	Sản xuất và kinh doanh sữa hộp, sữa bột và bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác, bánh, sữa đậu nành và nước giải khát; kinh doanh công nghệ, thiết bị phụ tùng và nguyên vật liệu; chăn nuôi bò sữa.	80 tỷ đồng	55%
Công ty TNHH Liên Doanh Sabmiller Việt Nam	30/06/2006	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát hương trái cây có độ cồn thấp.	US\$13,5 triệu	50%

Ngày 17 tháng 2 năm 2009, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong liên doanh cho đối tác liên doanh là Sabmiller Asia B.V



BAN KIỂM SOÁT

GĐ KIỂM SOÁT NỘI BỘ



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà MAI KIỀU LIÊN - Chủ tịch Hội đồng Quản trị, kiêm Tổng Giám đốc

Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ 14/11/2003. Từ tháng 8/1976 đến tháng 8/1980, Bà là kỹ sư công nghệ phụ trách sữa đặc có đường tại Nhà máy sữa Trường Thọ. Từ 9/1980 đến 2/1982, Bà là kỹ sư công nghệ tại Xí Nghiệp Liên hiệp Sữa – Cà phê và Bánh Kẹo I. Từ 2/1982 đến 6/1983, Bà là Phó Giám đốc Kỹ thuật phụ trách sản xuất tại Nhà máy sữa Thống Nhất. Năm 1984, sau khi hoàn tất khóa đào tạo tại Đại học Kinh tế Leningrat tại Liên Bang Xô Viết (nay là nước Nga), Bà được bổ nhiệm vào chức vụ Phó Tổng Giám đốc tại Xí Nghiệp Liên hiệp Sữa – Cà phê và Bánh Kẹo I. Tháng 12/1992, Bà được đề bạt vào vị trí Tổng Giám đốc Công ty Sữa Việt Nam. Ngày 14/11/2003, Bà được bầu vào HĐQT và tiếp tục được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc của Công ty. Tháng 3/2007, Bà tiếp tục được ĐHĐCĐ bầu vào HĐQT nhiệm kỳ 2007-2011. Bà Liên tốt nghiệp Đại học từ năm 1976 về công nghệ chế biến thịt và sữa tại Moscow, Nga. Bà cũng tốt nghiệp chứng chỉ quản lý kinh tế thuộc Đại học Kỹ sư Kinh tế Leningrat, Nga và chứng chỉ quản lý chính trị của Học viện chính trị Quốc gia, Việt Nam.

Bà NGÔ THỊ THU TRANG - Thành viên Hội đồng quản trị, P. Tổng Giám đốc Tài chính

Là thành viên HĐQT từ ngày 14/11/2003, là Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Tài chính từ tháng 3/2005. Bà gia nhập Công ty từ năm 1985 với vị trí phân tích tài chính, đến 1/1995 Bà giữ chức vụ phó phòng kế toán thống kê của Công ty Sữa Việt Nam. Bà giữ chức vụ này đến tháng 12/1997 và giữ chức vụ Trưởng phòng kế toán thống kê từ tháng 1 đến tháng 2/1998. Từ tháng 2/1998 đến 3/2005, Bà giữ chức vụ Kế toán trưởng phụ trách phòng kế toán của Công ty Sữa Việt Nam. Tháng 3/2005, Bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Tài chính. Bà Trang tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành tài chính kế toán năm 1984, Đại học Tài chính Kế toán Thành phố Hồ Chí Minh. Bà cũng đã tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Mở Bán Công Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông HOÀNG NGUYỄN HỌC - Thành viên Hội đồng quản trị

Là thành viên HĐQT từ ngày 4/11/2006. Ông Học tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh theo chương trình đào tạo giữa Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Pacific Western năm 2005. Ông đã có nhiều kinh nghiệm về quản lý doanh nghiệp trong thời gian công tác tại Bộ Tài chính Việt Nam.



Từ 10/1999 đến 6/2003, Ông Học là Phó Cục trưởng Cục Tài chính Doanh nghiệp. Ông được bổ nhiệm là Cục trưởng Cục Tài chính Doanh nghiệp vào tháng 7/2003 và giữ chức vụ này đến tháng 10/2006. Tháng 10/2006, Ông chuyển sang công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) và hiện đang giữ cương vị Phó Tổng Giám đốc của SCIC, phụ trách về các vấn đề đầu tư, nhân sự, tài chính và kế toán. Tháng 6/2008, Ông Học được Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm làm ủy viên HĐQT của SCIC.

Ông DOMINIC SCRIVEN - Thành viên Hội đồng quản trị

Là thành viên HĐQT từ ngày 31/3/2005. Ông Dominic Scriven quốc tịch Anh, tốt nghiệp năm 1985 với hai bằng đại học chuyên ngành Luật và Xã Hội tại trường Đại học Exeter. Ông có hơn hai mươi năm kinh nghiệm làm việc với các công ty Anh, Mỹ, Trung Quốc trong lĩnh vực đầu tư ở Châu Âu và Châu Á. Năm 1992 ông theo học tiếng Việt ở trường Đại Học Hà Nội, trước khi trở thành Đồng Sáng Lập Viên và là Giám Đốc Dragon Capital Group tại Việt Nam. Với 16 năm cư trú tại Việt Nam và nói tiếng Việt lưu loát, Ông Dominic Scriven là người đại diện cho các quỹ của Dragon Capital, và tham gia trong năm công ty niêm yết tại Việt Nam. Ông đã được Nữ hoàng Anh trao tặng huân chương OBE “vì những đóng góp cho sự phát triển khu vực tài chính Anh tại Việt Nam” nhân dịp năm mới 2006.

Ông WANG ENG CHIN - Thành viên Hội đồng quản trị

Là thành viên HĐQT từ ngày 31/03/2007. Ông Wang là chuyên viên phát triển doanh nghiệp năm 1987 và 1988, là Giám đốc từ năm 1988 đến 1991. Ông Wang gia nhập F&N Foods Pte Ltd với chức vụ Giám đốc Kinh doanh năm 1991 đến 1997. Từ năm 1997 đến 2003, Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc của F&N Foods Pte Ltd và F&N Dairies (M) Sdn Bhd. Năm 2003, Ông trở thành Tổng Giám đốc phụ trách quản lý chung F&N Foods Pte Ltd và F&N Vietnam Foods và giữ vị trí này cho đến tháng 9/2006. Ngày 1/10/2006, Ông được bổ nhiệm làm quyền Giám đốc Điều hành phụ trách quản lý chung ngành thực phẩm và giải khát thuộc tập đoàn Fraser & Neave. Ông tốt nghiệp Đại học Mississippi, Mỹ năm 1984, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh năm 1987.



GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Từ trái sang

Hàng trên : Ông Trần Minh Văn

Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa

Ông Trần Bảo Minh

Hàng dưới : Bà Ngô Thị Thu Trang

Bà Mai Kiều Liên

Bà Nguyễn Thị Như Hằng

Bà MAI KIỀU LIÊN

Tổng Giám đốc

(Xem phần “HĐQT” - Kinh nghiệm và chuyên môn của HĐQT để biết thông tin về Bà Mai Kiều Liên)

Bà NGÔ THỊ THU TRANG

Phó Tổng Giám đốc

(Xem phần “HĐQT” - Kinh nghiệm và chuyên môn của HĐQT để biết thông tin về Bà Ngô Thị Thu Trang)

Bà NGUYỄN THỊ THANH HÒA

Phó Tổng Giám đốc

Là Phó Tổng Giám đốc từ năm 2000. Từ năm 1978 đến tháng 6/1983, Bà Hòa là giảng viên tại Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, Bà gia nhập Công ty năm 1983 với vị trí kỹ sư chế biến tại Nhà máy Sữa Trường Thọ. Bà giữ chức Phó Giám đốc, rồi Giám đốc Nhà máy Sữa Trường Thọ từ tháng 7/1991 đến 1999. Tháng 12/1999, Bà Hòa được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc của Công ty. Bà hiện đang phụ trách kế hoạch, xuất nhập khẩu, các nhà máy, xí nghiệp kho vận và trung tâm nghiên cứu phát triển sản phẩm của Công ty. Bà Hòa tốt nghiệp cử nhân Đại học Công nghệ Chế biến Thịt và Sữa (nay là trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Công nghệ Sinh học Ứng dụng Maxtcova), Moscow năm 1978, chuyên ngành kỹ thuật chế biến sữa.

Bà NGUYỄN THỊ NHƯ HẰNG

Phó Tổng Giám đốc

Là Phó Tổng Giám đốc từ tháng 1/2003. Bà Hằng gia nhập Công ty năm 1981 và giữ chức vụ Phó phòng Tiêu thụ cho đến năm 2001. Bà được đề bạt làm Giám đốc Xí Nghiệp Kho Vận từ tháng 8/2001 đến tháng 12/2002. Bà Hằng được thăng chức làm Phó Tổng Giám đốc vào tháng 1/2003, phụ trách phòng dự án. Từ tháng 7/2006, Bà Hằng phụ trách mảng dịch vụ khách hàng và sau đó là lĩnh vực phát triển trang trại bò sữa và phát triển vùng nguyên liệu sữa tươi cho Công ty. Tháng 7/2007, Bà Hằng được bổ nhiệm làm Giám đốc công ty con là Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam. Bà Hằng tốt nghiệp cử nhân Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 1999, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh.

Ông TRẦN MINH VĂN

Phó Tổng Giám đốc

Từ năm 1990 đến tháng 7/1994, Ông Văn là Phó Giám đốc trợ giúp cho Giám đốc Nhà máy Sữa Thống Nhất. Tháng 8/1994, Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Nhà máy Sữa Thống Nhất và giữ chức vụ này đến tháng 6/2006. Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách phòng Dự án của Công ty từ tháng 7/2006. Tháng 12/2006, Ông Văn cũng được bổ nhiệm làm Giám đốc công ty con là Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế. Ông Văn tốt nghiệp kỹ sư, Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh năm 1981. Ông cũng tốt nghiệp cử nhân Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 1994, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, cử nhân Đại học Luật Hà Nội, chuyên ngành Luật Thương mại năm 2001 và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh từ Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2003.

Ông TRẦN BẢO MINH

Phó Tổng Giám đốc

Ông Minh gia nhập Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tháng 10/2006 với vị trí Phó Tổng Giám đốc, phụ trách kinh doanh và marketing. Trước khi gia nhập Vinamilk, Ông Minh tham gia Công ty PepsiCo Việt Nam tháng 9/1999 với vị trí Giám đốc Marketing và được thăng tiến làm Giám đốc Điều hành Marketing vào tháng 8/2001. Sau đó, Ông được chuyển sang tổng hành dinh của PepsiCo tại New York tháng 2/2004, đảm nhiệm vị trí Giám đốc hoạch định phát triển sản phẩm, thực hiện các chương trình cải tiến sản phẩm và bao bì sản phẩm toàn cầu. Từ tháng 4/2005 đến tháng 8/2005, Ông Minh được chuyển sang làm Giám đốc Marketing PepsiCo Thái Lan, phụ trách việc phát triển chiến lược marketing cho dòng sản phẩm giải khát không có ga ở Thái Lan. Từ tháng 8/2005 đến tháng 9/2006, Ông giữ vị trí Giám đốc Marketing PepsiCo, khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Ông Minh tốt nghiệp cử nhân Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 1991, chuyên ngành kế hoạch kinh doanh và tốt nghiệp Thạc sỹ Thương mại, Đại học Western Sydney năm 1996.



Từ trái sang: Ông Nguyễn Anh Tuấn Bà Ngô Thanh Thảo Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Bà NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI

Trưởng Ban Kiểm soát

Là thành viên BKS từ tháng 3/2007 và trở thành trưởng BKS từ tháng 3/2008. Từ năm 1993 đến 1997, Bà Mai giữ chức vụ Trưởng Bộ phận Tín dụng Thương mại Quốc tế và Trưởng Bộ phận Tín dụng Doanh nghiệp tại ngân hàng ANZ, chi nhánh Hà Nội. Từ năm 1999 đến 2003, Bà là Chuyên viên Bộ phận Tín dụng Đầu tư Khối Khách hàng Doanh nghiệp, sau đó giữ chức vụ Trưởng Bộ phận Tín dụng Cấu trúc Khối Thương mại Quốc tế và Hàng hóa, phụ trách lĩnh vực quản lý quan hệ doanh nghiệp thuộc bộ phận doanh nghiệp, chiến lược ngân hàng quốc tế, cấu trúc sản phẩm, tài chính thương mại và quản lý tín dụng khu vực Châu Á tại ngân hàng Đầu tư ANZ Singapore. Từ năm 2004 đến 5/2007, Bà giữ chức vụ Quản trị viên cao cấp tại văn phòng đại diện của Công ty TNHH Tư vấn Openasia Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 6/2007, Bà được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc tài chính doanh nghiệp phụ trách lĩnh vực tư vấn tài chính tại Công ty TNHH Tư vấn Openasia Việt Nam. Bà Mai tốt nghiệp cử nhân Đại học Ngoại ngữ Hà Nội năm 1991, chuyên ngành Anh Văn và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của Đại học Melbourne năm 1999.

Bà NGÔ THANH THẢO

Thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên BKS từ tháng 3/2008. Bà Thảo hiện đang là chuyên viên phân tích tại Dragon Capital Group Ltd., phụ trách tìm kiếm các cơ hội đầu tư cho công ty. Trước đó bà là trợ lý kiểm toán tại Ernst and Young Việt Nam từ tháng 4/2005, và sau đó là kế toán viên tại ngân hàng Maybank chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 7/2006. Bà Thảo tốt nghiệp Cử nhân Thương mại và Quản trị, chuyên ngành tiền tệ và tài chính tại Đại học Victoria, Wellington, New Zealand.

Ông NGUYỄN ANH TUẤN

Thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên BKS từ tháng 3/2008. Ông Tuấn là sáng lập viên, chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Trang thiết bị Y tế Cống Vàng từ năm 2004. Ông Tuấn cũng là thành viên HĐQT bệnh viện tim Tâm Đức. Từ năm 1990 đến năm 1992, Ông là cán bộ phòng nghiên cứu tín dụng tiền tệ tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Từ năm 1992 đến 1994, Ông là cán bộ kinh doanh Công ty Vàng bạc Đá quý, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Năm 1994, Ông chuyển sang làm nhân viên kinh doanh tại văn phòng đại diện Taisei Corporation của Nhật và công tác tại đây đến năm 1997. Năm 1999, Ông tham gia vào công ty Johnson & Johnson Medical, Mỹ ở cương vị Giám đốc Marketing khu vực ASEAN đến năm 2004. Ông Tuấn tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Đại học American, Washington D.C., Mỹ.





Ước mơ mai này
Khoác áo cầu thủ chuyên nghiệp



Quản trị Doanh nghiệp

- ▶ Báo cáo quản trị
- ▶ Quản lý rủi ro
- ▶ Quan hệ nhà đầu tư
- ▶ Hoạt động cộng đồng

TOP 10

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LỚN NHẤT VIỆT NAM

Vinamilk nhận định rằng quản trị doanh nghiệp tốt là nền tảng của doanh nghiệp được quản lý tốt. Báo cáo này trình bày những nguyên tắc và cơ cấu quản trị doanh nghiệp của Vinamilk theo hướng dẫn của thông tư 12/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 3 năm 2007 về “quản trị doanh nghiệp áp dụng cho các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam” và theo “chuẩn mực quản trị doanh nghiệp 2005” của Singapore.

A. CÁC VẤN ĐỀ VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (“HĐQT”)

Cách điều hành và Nhiệm vụ của HĐQT

Trách nhiệm của HĐQT

Vinamilk được điều hành và quản lý bởi một HĐQT hiệu quả. HĐQT chịu trách nhiệm chung về đề ra tầm nhìn, định hướng và các mục tiêu chiến lược lâu dài của Công ty.

HĐQT chịu trách nhiệm chọn lọc, bổ nhiệm và đánh giá kết quả làm việc hàng năm của Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý then chốt khác và đảm bảo cho kế hoạch phát triển và kế tục cho tất cả các vị trí quan trọng nhằm dự phòng khi có sự việc bất ngờ xảy ra, cũng như tạo điều kiện cho sự chuyển tiếp điều hành doanh nghiệp được thuận lợi.

HĐQT nhấn mạnh bảy giá trị cốt lõi: Tôn trọng, ý chí, cởi mở, chính trực, hài hòa các lợi ích, hiệu quả và sáng tạo là những nguyên tắc cơ bản gắn liền với hình ảnh và uy tín của Công ty.

HĐQT làm việc rất chặt chẽ với ban lãnh đạo để đạt được nội dung này và Ban lãnh đạo công ty chịu trách nhiệm báo cáo và giải trình cho HĐQT.

Qui mô HĐQT:

HĐQT hiện tại bao gồm năm thành viên, phù hợp cho việc quản lý với qui mô hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinamilk. Số lượng thành viên HĐQT hiện tại là có khả năng đáp ứng đầy đủ các ý kiến đại diện trong HĐQT, đồng thời chú ý đến tính hiệu quả và khuyến khích sự trao đổi tích cực giữa các thành viên HĐQT.

Nhiệm kỳ:

HĐQT có nhiệm kỳ tối đa là năm năm. Thành viên HĐQT cũng phải đệ trình cho Đại hội đồng cổ đông để bầu chọn và bổ nhiệm lại tại cuộc họp bất thường hoặc ít nhất là năm năm một lần. Điều lệ của Công ty quy định một phần ba thành viên HĐQT phải được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Theo qui định này, Bà Mai Kiều Liên và Bà Ngô Thị Thu Trang đã được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào tháng 3 năm 2008.

Sự ủy quyền một số vấn đề của HĐQT

Nhằm tạo điều kiện cho việc quản lý hiệu quả, HĐQT đã giao quyền một số chức năng của mình cho các tiểu ban của HĐQT như sau:

- Tiểu ban Chiến lược
- Tiểu ban Nhân sự
- Tiểu ban Đãi ngộ
- Tiểu ban Tài chính
- Tiểu ban Quan hệ với nhà đầu tư

Các tiểu ban này hoạt động theo các nguyên tắc, thông lệ rõ ràng và cụ thể. Mọi thành viên HĐQT có thể tham khảo ý kiến tư vấn độc lập và sử dụng sự đánh giá độc lập của mình khi ra quyết định.

Phân cấp quản lý

Công ty đã áp dụng chế độ phân cấp quản lý, qui định các mức thẩm quyền cho từng nghiệp vụ cụ thể, bao gồm cả những nghiệp vụ thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Họp và tham dự các cuộc họp HĐQT

HĐQT họp định kỳ hàng quý trong năm. Các cuộc họp bất thường cũng được triệu tập khi có yêu cầu. Cuộc họp HĐQT có thể được tiến hành thông qua điện thoại, các phương tiện thông tin truyền thông trực tiếp hoặc điện báo. Mỗi thành viên HĐQT có thể lấy ý kiến tư vấn độc lập và đánh giá độc lập khi đưa ra quyết định của mình. Ban Kiểm soát cũng được thông báo và mời tham dự các cuộc họp của HĐQT.

Báo cáo ghi nhận sự tham gia của thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

TT.	Họ và tên	Số cuộc họp	Số lần tham dự
1	Bà Mai Kiều Liên	5	5/5
2	Bà Ngô Thị Thu Trang	5	5/5
3	Ông Hoàng Nguyên Học	5	5/5
4	Ông Dominic Scriven	5	5/5
5	Ông Wang Eng Chin	5	5/5

Thành phần và cơ cấu HĐQT

HĐQT gồm có ba thành viên không trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Không có một thành viên hoặc một nhóm thành viên thiểu số nào có ảnh hưởng chi phối các quyết định chung của HĐQT.

HĐQT gồm có các thành viên sau:

Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên
Ông Dominic Scriven	Thành viên
Ông Wang Eng Chin	Thành viên

Tiểu sử sơ lược của các thành viên HĐQT được nêu tại trang 48 của báo cáo thường niên này.

Vinamilk có cơ cấu thành viên rất tốt được thể hiện là các thành viên có năng lực và kinh nghiệm sâu rộng về lĩnh vực kinh doanh, tài chính, kế toán và quản trị doanh nghiệp. Sự đánh giá khách quan của các thành viên HĐQT độc lập đối với công việc, kinh nghiệm và sự đóng góp của họ là rất có giá trị cho Vinamilk.

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc

Chủ tịch HĐQT đồng thời cũng là Tổng Giám đốc của Công ty. Việc bổ nhiệm này được phê chuẩn bởi Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) của Công ty.

Chủ tịch là người đứng đầu HĐQT để đảm bảo truyền tải thông tin hiệu quả với cổ đông, khuyến khích mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa HĐQT và Ban Quản lý của Công ty, và thúc đẩy nâng cao chuẩn mực quản trị Công ty.

Tư cách thành viên HĐQT

Công ty duy trì một qui trình chính thức và minh bạch cho việc chọn lọc và bổ nhiệm thành viên mới vào HĐQT. Bất kỳ sự bổ nhiệm thành viên mới nào cũng phải trải qua một quy trình bổ nhiệm chính thức. ĐHĐCĐ sẽ bầu chọn thành viên HĐQT. Trường hợp có chỗ trống bất ngờ phát sinh trong HĐQT, HĐQT có thể bổ nhiệm thành viên mới và sau đó sẽ đệ trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn chính thức sự bổ nhiệm này tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất.

Đánh giá năng lực của HĐQT

Công ty có duy trì sự đánh giá chính thức về hiệu quả làm việc của HĐQT nói chung và sự đóng góp của từng thành viên HĐQT.

Quyền truy cập thông tin

Các thành viên HĐQT được cung cấp một cách đầy đủ, kịp thời và thường xuyên các thông tin liên quan đến Công ty để họ có thể thực hiện nhiệm vụ của mình.

Ban Tổng Giám đốc cung cấp thông tin một cách đầy đủ và kịp thời, cũng như xem xét kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trước khi tổ chức cuộc họp HĐQT.

HĐQT có quyền độc lập truy cập thông tin của Vinamilk từ các thành viên Ban Điều hành cao cấp và Thư ký của Công ty khi họ cần hiểu rõ về bất kỳ vấn đề liên quan đến hoạt động của Vinamilk.

Trước khi triệu tập họp HĐQT sẽ có thông báo kèm theo chương trình nghị sự đến HĐQT. Thư ký HĐQT sẽ tham gia tất cả các cuộc họp và đảm bảo rằng cuộc họp được tiến hành theo đúng thủ tục và qui định của pháp luật.

Thư ký của Công ty bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Tú	Chánh Văn phòng
Bà Lê Quang Thanh Trúc	Trưởng Ban Đầu tư Tài chính

Thông tin cổ phần và cổ đông

- Tổng số cổ phần thường : 175.275.670
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành : không có
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành : 175.275.670
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại : không có

Cơ cấu cổ đông

	31/12/2008
Tổng công ty đầu tư kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	47,64%
Cổ đông nước ngoài	44,58%
Cổ đông trong nước (trừ SCIC)	7,78%

Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông nội bộ

		31/12/2007	Thay đổi trong năm	31/12/2008
Hội đồng quản trị				
1	Mai Kiều Liên			
	- Đại diện SCIC	23,818%	0,000%	23,818%
	- Cá nhân	0,089%	0,008%	0,097%
2	Ngô Thị Thu Trang	0,041%	0,004%	0,045%
3	Hoàng Nguyên Học (Đại diện SCIC)	23,818%	0,000%	23,818%
4	Dominic Scriven (Đại diện cho các quỹ của Dragon Capital)	9,056%	-0,599%	8,457%
5	Wang Eng Chin (đại diện F&N Dairy Investment)	10,080%	0,000%	10,080%
Ban Kiểm soát				
1	Nguyễn Anh Tuấn	0,000%	0,000%	0,000%
2	Ngô Thanh Thảo	0,000%	0,000%	0,000%
3	Nguyễn Thị Tuyết Mai	0,003%	0,000%	0,003%
Ban Tổng Giám đốc				
1	Mai Kiều Liên (như trên)			
2	Ngô Thị Thu Trang (như trên)			
3	Nguyễn Thị Như Hằng	0,035%	0,003%	0,038%
4	Nguyễn Thị Thanh Hòa	0,044%	0,004%	0,048%
5	Trần Minh Văn	0,027%	0,003%	0,030%
6	Trần Bảo Minh	0,000%	0,003%	0,003%

Thay đổi tỷ lệ sở hữu của Cổ đông lớn

	31/12/2007	Thay đổi trong năm	31/12/2008
SCIC	47,64%	-	47,64%
F&N Dairy Investment	10,08%	-	10,08%

B. CÁC VẤN ĐỀ VỀ TIỀN THÙ LAO

Chính sách Thù lao

Tiểu ban Đãi ngộ xem xét và đề xuất với HĐQT chính sách tiền lương phù hợp và cạnh tranh. Việc quyết định thù lao cho từng thành viên HĐQT, và lương cho Ban Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn thông qua một qui trình chính thức và minh bạch. Không thành viên nào được tự quyết định mức lương của mình.

Tiểu ban đãi ngộ gồm có:

Ông Dominic Scriven	Trưởng ban
Ông Wang Eng Chin	Thành viên

Tiểu ban Đãi ngộ đề xuất cho HĐQT phê chuẩn khung tiền thù lao cho từng thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT và lương của Tổng Giám đốc.

Mức tiền lương và cơ cấu lương

Mức tiền lương cần phù hợp để thu hút, giữ và khích lệ thành viên HĐQT, Ban Giám đốc để điều hành Vinamilk thành công, nhưng tránh việc chi trả quá mức một cách không cần thiết. Một phần của tiền lương sẽ căn cứ vào kết quả hoạt động chung của Công ty và của từng cá nhân.

Khi đề ra tiền lương, Tiểu ban Tiền lương xem xét đến các yếu tố về tiền lương và việc làm trong cùng ngành, so sánh với các công ty tương đương, kết quả hoạt động của Vinamilk nói chung và cũng như từng cá nhân thành viên HĐQT và nhân viên chủ chốt. Chương trình xét thưởng hàng năm cũng được áp dụng cho toàn nhân viên trong công ty.

Tiền thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát đã được Đại Hội đồng Cổ đông phê chuẩn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 200.000 đô la Mỹ.

Công bố tiền lương

Tiền lương của tất cả thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc được công bố hàng năm. Nội dung công bố này giúp nhà đầu tư hiểu mối liên hệ giữa tiền lương của Ban điều hành, vị trí chủ chốt với thành tích của họ.

Mức tiền lương	Lương %	Thưởng %	Thù lao %	Tổng cộng %
Trên 2 tỷ đồng				
Bà Mai Kiều Liên (***)	34	59	7	100
Bà Ngô Thị Thu Trang (*) (**)	35	57	8	100
Ông Trần Bảo Minh (*)	39	61	-	100
Ông Trần Minh Văn (*)	39	61	-	100
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa (*)	39	61	-	100
Bà Nguyễn Thị Như Hằng (*)	38	62	-	100
Từ 1 tỷ đến 2 tỷ đồng				
Dưới 1 tỷ đồng				
Ông Hoàng Nguyên Học (**)	-	-	100	100
Ông Dominic Sciven (**)	-	-	100	100
Ông Wang Eng Chin (**)	-	-	100	100

(*): Phó Tổng Giám đốc (**): Thành viên HĐQT (***): Chủ tịch HĐQT kiêm TGD

C. TRÁCH NHIỆM VÀ KIỂM TOÁN

Trách nhiệm

HĐQT chịu trách nhiệm trước các cổ đông của Công ty và Ban Điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT. HĐQT chịu trách nhiệm trình bày bảng đánh giá cân đối và có thể hiểu về tình hình và triển vọng của Công ty trong báo cáo thường niên và các báo cáo thường kỳ khác, chẳng hạn như báo cáo thường kỳ cho cơ quan chức năng theo qui định.

HĐQT họp định kỳ hàng quý nhằm xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của Vinamilk. Báo cáo tài chính đầy đủ và tóm tắt hàng quý được gửi cho Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE"). Đại hội Đồng Cổ đông thường niên được tổ chức hàng năm để cổ đông phê chuẩn các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát hoạt động theo quy chế và thông lệ được quy định bằng văn bản với nhiệm vụ và quyền hạn rõ ràng. Ban Kiểm soát xem xét phạm vi công việc và kết quả của kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập, hiệu quả chi phí, những vấn đề báo cáo tài chính trọng yếu và tính đầy đủ của hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như tính hiệu lực của chức năng kiểm toán nội bộ của Công ty.

Hướng dẫn 11.8 Công bố tên của các thành viên và hoạt động của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra có ba thành viên với nhiệm kỳ năm năm. Nhiệm kỳ hiện tại là từ năm 2007 đến 2011. Tất cả các thành viên Ban Kiểm soát không phải là nhân viên của Vinamilk.

Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Trưởng Ban
Bà Ngô Thanh Thảo	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên

Thành viên Ban Kiểm soát có đủ tư cách và năng lực để thực hiện nhiệm vụ của mình. Họ có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn trong lĩnh vực liên quan về quản lý tài chính, kế toán.

Ban Kiểm soát có thẩm quyền kiểm tra bất kỳ vấn đề nào trong phạm vi trách nhiệm của họ, có đầy đủ quyền tiếp cận và làm việc với Ban Điều hành công ty, có quyền mời bất kỳ thành viên HĐQT,



nhân sự quản lý tham dự cuộc họp với họ. Ban Kiểm soát có nguồn lực hợp lý để thực hiện chức năng của mình một cách hoàn chỉnh.

Hàng năm hoặc khi cần thiết, Ban Kiểm soát sẽ làm việc với kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập mà không cần có sự tham gia của Ban Điều hành Công ty.

Ban Kiểm soát xem xét sự phù hợp về tính độc lập và khách quan của kiểm toán độc lập và đề xuất cho HĐQT và đề nghị bổ nhiệm lại kiểm toán độc lập. Ban Kiểm soát xem xét mức độ và tính độc lập của kiểm toán độc lập đối với các dịch vụ phi kiểm toán do kiểm toán độc lập thực hiện để đảm bảo rằng tính độc lập của kiểm toán độc lập đối với Công ty không bị ảnh hưởng.

Kiểm soát Nội bộ

HĐQT đảm bảo rằng Ban Điều hành duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ đầy đủ và hoàn chỉnh nhằm bảo vệ tài sản của Vinamilk và vốn đầu tư của cổ đông.

Với sự trợ giúp của Phòng Kiểm soát Nội bộ, HĐQT và Ban Kiểm soát sẽ xem xét tính hiệu quả của các công cụ kiểm soát nội bộ chính yếu nhằm đảm bảo rằng các hành động khắc phục được thực hiện kịp thời. Thủ tục chính thức được áp dụng cho cả kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập trong việc lập báo cáo kết luận và đề xuất ý kiến của họ cho Ban Điều hành và Ban Kiểm soát.



Rủi ro Ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ phát sinh khi có sự khác biệt đáng kể giữa các khoản phải thu và các khoản nợ phải trả theo cùng đồng ngoại tệ. Rủi ro ngoại tệ này không ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh trong năm 2008, nhưng có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh của Vinamilk trong những năm tới. Vinamilk luôn xem xét và sử dụng các công cụ tài chính khi cần thiết để hạn chế rủi ro này theo từng thời điểm thích hợp.

Rủi ro về tính thanh khoản

Vinamilk chịu rủi ro về tính thanh khoản trong hoạt động kinh doanh chung của Công ty. Rủi ro này bao gồm cả việc huy động nguồn vốn cho các hoạt động kinh doanh của Công ty một cách kịp thời theo yêu cầu. Vinamilk vận dụng hình thức thận trọng trong việc quản lý rủi ro thanh khoản này bằng cách duy trì đủ lượng tiền và các loại chứng khoán có tính thanh khoản tốt, duy trì nguồn huy động vốn có sẵn đã cam kết và không cam kết từ các ngân hàng khác nhau.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008, tỷ lệ nợ thuần như sau:

(Tỷ đồng)	2008	2007
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền	339	118
Nợ vay	211	42
Nợ vay thuần	-	-

Rủi ro Nợ tín dụng

Rủi ro tối đa mà Vinamilk gánh chịu trong trường hợp tất cả khách hàng không có khả năng thanh toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 là giá trị nợ phải thu khách hàng thuần được thể hiện trên bảng cân đối kế toán. Vinamilk có những chính sách quản lý Nợ phải thu hoạt động hiệu quả để đảm bảo việc bán hàng được thực hiện cho những khách hàng có tình hình tín dụng phù hợp.

Tin cậy vào Nhân sự quản lý chủ chốt

Mặc dù Công ty không phụ thuộc vào bất kỳ cá nhân nào trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc, sự thành công của chúng tôi phụ thuộc chủ yếu vào kỹ năng, năng lực và sự phấn đấu của cả Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, cũng như khả năng tuyển dụng và giữ nhân tài để tiếp bước cho các vị trí này. Khả năng tiếp tục thu hút, giữ và động viên nhân sự chủ chốt và cao cấp là thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Sự cạnh tranh về nhân sự có kỹ năng và năng lực là cao, và việc mất đi sự đóng góp của một hay nhiều nhân sự ở những vị trí này mà không có đủ nhân sự thay thế hoặc không có khả năng thu hút nhân sự mới có năng lực với chi phí hợp lý sẽ làm ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh và hoạt động của Công ty. Vinamilk đã và đang áp dụng chính sách đãi ngộ để kích lệ và thu hút nhân tài.

Rủi ro Thị trường xuất khẩu

Công ty hiện đang xuất khẩu sản phẩm sang Iraq, Cam-pu-chia và một số nước khác ở Châu Á và Châu Âu. Nhu cầu ở các thị trường này phụ thuộc vào sự ổn định về kinh tế và chính trị của đất nước này. Vì Iraq là một trong những thị trường chính cho xuất khẩu, nên nếu có biến động về kinh tế, chính trị và xã hội của đất nước này sẽ có thể làm ảnh hưởng không tốt đến kết quả kinh doanh của Công ty. Vinamilk đang tập trung vào thị trường chính của mình là thị trường nội địa. Đồng thời tìm kiếm và mở rộng xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng khác để hạn chế rủi ro này.

Vinamilk đang duy trì kênh thông tin hiệu quả đến nhà đầu tư thông qua cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức hàng năm và thông qua bộ phận quan hệ nhà đầu tư.

Bên cạnh các thông tin công bố theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Vinamilk đã thực hiện việc công bố kết quả kinh doanh hàng tháng để cổ đông và nhà đầu tư nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh và các thông tin quan trọng của Vinamilk được công bố đầy đủ trên website của Vinamilk tại địa chỉ www.vinamilk.com.vn và được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng khác như website của Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh, báo chí và bản tin chứng khoán.



Trong năm, Vinamilk đã tiếp đón trên 50 nhà đầu tư là các công ty chứng khoán, ngân hàng đầu tư, quỹ đầu tư đến thăm và làm việc tại Công ty. Một vài nhà đầu tư tiêu biểu như sau:

- Quỹ đầu tư Ashmore
- Quỹ đầu tư Maple – Brown Abbott
- Crédit Agricole
- Quỹ đầu tư Edinburg Partners
- Quỹ đầu tư Artisan Partners
- Fidelity Investments Management (Hongkong)
- Tokio Marine Asset Management
- Barings Assets Management
- Janus Capital Group
- Aberdeen Asset Management Asia
- v.v.

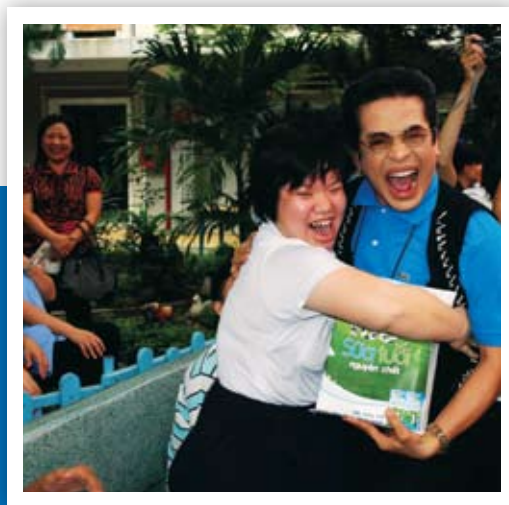
Đồng thời, Công ty cũng duy trì kênh thông tin với nhà đầu tư qua email, điện thoại và qua mục Hỏi Đáp trên website của Vinamilk.

Vinamilk thông tin một cách thường xuyên với cổ đông và luôn cam kết công bố kịp thời và minh bạch đến cổ đông và công chúng. Nhiều cuộc họp, đối thoại và tiếp xúc của các nhà đầu tư, chuyên gia phân tích, quỹ đầu tư và báo chí được thực hiện trong năm. Những thông tin quan trọng được công bố đến HOSE và được công bố trên website của Công ty tại địa chỉ www.vinamilk.com.vn

Vinamilk khuyến khích tất cả cổ đông tham gia Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty và tạo điều kiện cho cổ đông phát biểu ý kiến nhận xét của mình về các vấn đề có liên quan đến Vinamilk.



3 triệu ly sữa dành cho trẻ em nghèo



Tiếp nối truyền thống hoạt động vì lợi ích cộng đồng, Công ty đã dành hơn 17 tỷ đồng cho các hoạt động từ thiện của mình trong năm 2008. Trong đó chương trình 3 triệu ly sữa miễn phí cho trẻ em nghèo Việt Nam đã tạo điều kiện giúp các trẻ em nghèo khắp cả nước thưởng thức nguồn sữa giàu dinh dưỡng và đem lại sức khỏe mà các em từng mơ ước.

Năm thứ 6 liên tiếp, Vinamilk đã dành 3,1 tỷ đồng cho quỹ học bổng truyền thống của mình “ Vinamilk Ươm mầm tài năng trẻ” năm học 2007-2008, đây là hoạt động nhằm tạo điều kiện và động viên các em phấn đấu để trở thành nhân tài phục vụ cộng đồng và xã hội.

Một số hoạt động tiêu biểu trong năm như sau:

Chương trình 3 triệu ly sữa cho trẻ em nghèo Việt Nam	10,0 tỷ đồng
Chương trình học bổng “Vinamilk ươm mầm tài năng trẻ”	3,1 tỷ đồng
Các hoạt động giúp đỡ người nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn	2,8 tỷ đồng
Cứu trợ bão lũ và các hoạt động khác	1,6 tỷ đồng

Ngoài ra, Vinamilk đã nhận phụng dưỡng suốt đời 20 bà mẹ Việt Nam Anh Hùng ở hai tỉnh Bến Tre và Quảng Nam từ năm 1997 và đến nay còn lại 13 bà mẹ.



Báo cáo Tài chính

- ▶ Thông tin Doanh nghiệp
- ▶ Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- ▶ Báo cáo kiểm toán độc lập
- ▶ Bảng cân đối kế toán
- ▶ Kết quả hoạt động kinh doanh
- ▶ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- ▶ Thuyết minh báo cáo tài chính



Vươn tới trời cao



PRICEWATERHOUSECOOPERS

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

Tầng 4, Tòa nhà Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1

TP. HCM, Việt Nam

Điện thoại: (84-8) 3823 0796

Fax: (84-8) 3825 1947

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM (VINAMILK)

Tên tiếng Anh: VIETNAM DAIRY PRODUCTS JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt là: VINAMILK
Mã chứng khoán (HoSE): VNM
Trụ sở chính: 184 - 186 - 188 Nguyễn Đình Chiểu,
Phường 06, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (84.8) 3930 0358
Fax: (84.8) 3930 5206
Website: www.vinamilk.com.vn

Giấy phép đăng ký kinh doanh: Số 4103001932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 11 năm 2003 cấp.

Công ty kiểm toán: Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

Hội đồng Quản trị

Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên
Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên
Ông Dominic Scriven	Thành viên
Ông Wang Eng Chin	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Mai Kiều Liên	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	P. Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thu Trang	P. Tổng Giám đốc
Ông Trần Bảo Minh	P. Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Văn	P. Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Như Hằng	P. Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con (Công ty và các công ty con gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và của riêng Công ty cho niên độ kết thúc vào ngày đó. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- Soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn và của riêng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng của Công ty tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng của Công ty đính kèm từ trang 5 đến trang 45. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và của riêng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn và của riêng Công ty cho niên độ kết thúc ở ngày đó phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2009

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất và của riêng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và của riêng Công ty cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và bảng tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu cùng các thuyết minh.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng của Công ty có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và của Công ty cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam.



Quách Thành Châu
AC No. N.0875/KTV
Chữ ký được ủy quyền

Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM2171
Ngày 23 tháng 3 năm 2009

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và năm 2007

Mẫu số B 01 – DN/HN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Hợp nhất		Công ty	
			2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.187.605	3.177.727	3.160.210	3.163.757
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	338.654	117.819	329.545	113.527
111	Tiền		132.977	117.519	124.288	113.227
112	Các khoản tương đương tiền		205.677	300	205.257	300
120	Các khoản đầu tư ngắn hạn	4(a)	374.002	654.485	374.002	654.485
121	Đầu tư ngắn hạn		496.998	654.660	496.998	654.660
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(122.996)	(175)	(122.996)	(175)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		646.385	654.720	648.727	661.208
131	Phải thu khách hàng		530.149	505.234	530.134	511.772
132	Trả trước cho người bán		75.460	79.847	75.318	79.804
135	Các khoản phải thu khác	5	40.923	70.390	43.408	70.383
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(147)	(751)	(133)	(751)
140	Hàng tồn kho	6	1.775.342	1.675.164	1.755.360	1.659.390
141	Hàng tồn kho		1.789.646	1.686.793	1.767.373	1.671.019
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(14.304)	(11.629)	(12.013)	(11.629)
150	Tài sản ngắn hạn khác		53.222	75.539	52.576	75.147
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		31.460	14.282	31.118	13.943
152	Thuế GTGT được khấu trừ		19.196	33.401	19.181	33.401
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	23.808	-	23.808
158	Tài sản ngắn hạn khác		2.566	4.048	2.277	3.995

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 45 là một bộ phận không thể tách rời các báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và năm 2007 (tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN/HN

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Hợp nhất		Công ty	
			2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		2.779.354	2.247.390	2.724.886	2.197.287
210	Các khoản phải thu dài hạn		475	762	28.606	28.893
218	Phải thu dài hạn khác		475	762	28.606	28.893
220	Tài sản cố định		1.936.923	1.641.669	1.804.745	1.518.899
221	Tài sản cố định hữu hình	7(a)	1.529.187	1.022.646	1.413.526	899.877
222	Nguyên giá		2.618.638	1.963.835	2.479.273	1.831.384
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.089.451)	(941.189)	(1.065.747)	(931.507)
227	Tài sản cố định vô hình	7(b)	50.868	20.715	35.017	20.715
228	Nguyên giá		79.416	38.771	63.565	38.771
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(28.548)	(18.056)	(28.548)	(18.056)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7(c)	356.868	598.308	356.202	598.307
240	Bất động sản	8	27.489	-	-	-
241	Nguyên giá		27.489	-	-	-
245	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-	-	-
250	Các khoản đầu tư dài hạn		570.657	401.018	647.899	445.554
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	-	-	135.694	99.894
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	4(c)	23.702	78.189	131.749	117.597
258	Đầu tư dài hạn khác	4(d)	546.955	322.829	495.807	271.681
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-	(115.351)	(43.618)
260	Tài sản dài hạn khác		243.810	203.941	243.636	203.941
261	Chi phí trả trước dài hạn	9	195.512	195.613	195.338	195.613
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	15	47.276	8.017	47.276	8.017
268	Tài sản dài hạn khác		1.022	311	1.022	311
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.966.959	5.425.117	5.885.096	5.361.044

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 45 là một bộ phận không thể tách rời các báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và năm 2007 (tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN/HN

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Hợp nhất		Công ty	
			2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.154.432	1.073.230	1.121.759	1.045.107
310	Nợ ngắn hạn		972.502	933.357	939.887	905.234
311	Vay và nợ ngắn hạn		188.222	9.963	188.222	9.963
312	Phải trả người bán		492.556	621.376	491.912	617.302
313	Người mua trả tiền trước		5.917	5.717	5.915	5.708
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	64.187	35.331	64.153	35.228
315	Phải trả người lao động		3.104	426	3.044	52
316	Chi phí phải trả	12	144.052	132.466	143.655	131.473
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	74.464	128.078	42.986	105.508
330	Nợ dài hạn		181.930	139.873	181.872	139.873
331	Phải trả người bán dài hạn		93.612	81.002	93.612	81.002
333	Phải trả dài hạn khác	14	30.000	-	30.000	-
334	Vay và nợ dài hạn	10	22.418	32.381	22.418	32.381
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		35.900	26.490	35.842	26.490
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.761.913	4.315.937	4.763.337	4.315.937
410	Vốn chủ sở hữu		4.665.715	4.224.315	4.667.139	4.224.315
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17	1.752.757	1.752.757	1.752.757	1.752.757
412	Thặng dư vốn cổ phần	17	1.064.948	1.064.948	1.064.948	1.064.948
417	Quỹ đầu tư phát triển	17	869.697	744.540	869.697	744.540
418	Quỹ dự phòng tài chính	17	175.276	136.313	175.276	136.313
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17	803.037	525.757	804.461	525.757
430	Nguồn kinh phí và quỹ khác		96.198	91.622	96.198	91.622
431	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	96.198	91.622	96.198	91.622
500	Lợi ích của cổ đông thiểu số	2.4	50.614	35.950	-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.966.959	5.425.117	5.885.096	5.361.044

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 45 là một bộ phận không thể tách rời các báo cáo tài chính này.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và năm 2007

Mẫu số B 01 – DN/HN

	Hợp nhất		Công ty	
	2008	2007	2008	2007
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (Triệu đồng)	236	4.851	236	4.581
Nợ khó đòi đã xử lý (Triệu đồng)	967	18.508	967	18.508
Ngoại tệ các loại:				
USD	1.896.238	315.236	1.896.238	315.236
EUR	3.843	33.257	3.843	33.257



Lê Thành Liêm
 Kế toán trưởng



Mai Kiều Liên
 Tổng Giám đốc
 Ngày 23 tháng 3 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 45 là một bộ phận không thể tách rời các báo cáo tài chính này.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 và năm 2007

Mẫu số B 02 – DN/HN

Mã số	Thuyết minh	Hợp nhất		Công ty	
		2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.380.563	6.675.244	8.407.174	6.676.264
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(171.581)	(137.280)	(171.581)	(137.280)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.208.982	6.537.964	8.235.593	6.538.984
11	Giá vốn hàng bán	(5.610.969)	(4.836.283)	(5.640.664)	(4.837.262)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.598.013	1.701.681	2.594.929	1.701.722
21	Doanh thu hoạt động tài chính	264.810	257.865	263.801	257.669
22	Chi phí tài chính	(197.621)	(25.862)	(273.205)	(60.606)
24	Chi phí bán hàng	(1.052.308)	(864.363)	(1.052.303)	(863.788)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(297.804)	(204.192)	(290.905)	(201.339)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.315.090	865.129	1.242.317	833.658
40	Thu nhập khác	130.173	120.790	131.852	121.773
50	Phần lỗ trong liên doanh	(73.950)	(30.538)	-	-
60	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.371.313	955.381	1.374.169	955.431
61	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(161.874)	-	(161.874)	-
62	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	39.259	8.017	39.259	8.017
63	Lợi ích của cổ đông thiểu số	1.422	50	-	-
70	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.250.120	963.448	1.251.554	963.448
		VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
80	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.132	5.607	7.140	5.607



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 3 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 45 là một bộ phận không thể tách rời các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 và năm 2007
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 – DN/HN

Mã số	Thuyết minh	Hợp nhất		Công ty	
		2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
01	Lợi nhuận trước thuế	1.371.313	955.381	1.374.169	955.431
	Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao tài sản cố định	178.430	130.772	163.647	120.918
03	Các khoản dự phòng	124.892	42.696	194.320	46.907
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(5.704)	(17)	(5.704)	(17)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(26.175)	(101.361)	(93.254)	(102.144)
06	Chi phí lãi vay	26.971	11.667	25.512	11.667
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	1.669.727	1.039.138	1.658.690	1.032.762
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	13.354	(216.909)	17.752	(216.777)
10	Tăng hàng tồn kho	(112.069)	(725.346)	(98.480)	(714.964)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(105.919)	411.751	(110.899)	377.195
12	Tăng chi phí trả trước	(17.077)	(69.830)	(16.900)	(69.588)
13	Tiền lãi vay đã trả	(25.957)	(50.571)	(24.498)	(50.571)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(101.861)	-	(101.861)	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	53.507	78.502	53.508	81.924
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(103.946)	(153.257)	(103.947)	(153.194)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.269.759	313.478	1.273.365	286.787
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
21	Tiền chi để mua, xây dựng TSCĐ	(445.062)	(743.965)	(412.995)	(662.142)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	4.217	2.305	544	1.364
23	Tiền chi cho hoạt động đầu tư chứng khoán	-	(487.475)	-	(435.877)
24	Tiền thu hồi bán lại chứng khoán đầu tư và trái phiếu	3.010	77.964	3.010	77.964
25	Khoản vay cấp cho liên doanh và công ty con	-	(80.926)	-	(109.057)
26	(Tăng)/giảm khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	(50.191)	115.443	(50.191)	114.993
27	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(134.152)	(4.650)	(169.952)	(50.150)
28	Vốn góp nhận từ các cổ đông thiểu số của công ty con	20	-	-	-
29	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	90.373	105.326	89.376	105.326
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(531.785)	(1.015.978)	(540.208)	(957.579)

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 45 là một bộ phận không thể tách rời các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 và năm 2007

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 – DN/HN

Mã số	Thuyết minh	Hợp nhất		Công ty	
		2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	-	1.219.477	-	1.183.477
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	173.547	360.000	173.547	360.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(9.963)	(377.883)	(9.963)	(377.883)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(680.733)	(538.181)	(680.733)	(538.181)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(517.149)	663.413	(517.149)	627.413
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	220.825	(39.087)	216.008	(43.379)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	117.819	113.527	156.895
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	10	11	10	11
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	338.654	329.545	113.527



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 3 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 45 là một bộ phận không thể tách rời các báo cáo tài chính này.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty” hoặc “Vinamilk”) được thành lập ban đầu theo Quyết định số 420/CNN/TCLD ngày 29 tháng 4 năm 1993 theo loại hình doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 1 tháng 10 năm 2003, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 155/2003/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp. Ngày 20 tháng 11 năm 2003, Công ty đăng ký trở thành một công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 4103001932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 19 tháng 1 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy phép Niêm yết số 42/UBCK-GPNY do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2005.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có 4 công ty con:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ
Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	Sản xuất sữa	100%
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	Sản xuất sữa	55%
Công ty TNHH MTV Đầu tư Bất động sản Quốc tế	Kinh doanh bất động sản	100%
Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam (*)	Kinh doanh bất động sản	64,25%

(*) Công ty TNHH MTV Đầu tư Bất động sản Quốc tế nắm giữ 64.25% tại Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam, là doanh nghiệp 100% sở hữu bởi Vinamilk.

Hoạt động chủ yếu của Công ty và các công ty con bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, sữa tươi, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất, nguyên liệu;
- Kinh doanh nhà, môi giới, cho thuê bất động sản;
- Kinh doanh kho, bến bãi, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô và bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan;
- Sản xuất và mua bán bao bì, in trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa;
- Phòng khám đa khoa;
- Chăn nuôi và trồng trọt;
- Các hoạt động hỗ trợ trồng trọt như: cung cấp cây trồng, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, thu hoạch cây trồng, làm đất, tưới tiêu;
- Chăn nuôi: cung cấp giống vật nuôi, kỹ thuật nuôi;
- Dịch vụ sau thu hoạch;
- Xử lý hạt giống để nhân giống.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, tổng số nhân viên của Công ty và của Tập đoàn lần lượt là 4.275 và 4.532 (2007: số nhân viên lần lượt là 3.868 và 4.106).

2. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được soạn thảo dựa theo quy ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Hợp nhất báo cáo

Năm 2008, Công ty soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần nhỏ hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.4 Hợp nhất báo cáo (tiếp theo)

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số.

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

Liên doanh và các bên liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong liên doanh liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh, liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam. Các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được thể hiện theo đơn vị triệu đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi

phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.6 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty và các công ty con sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.8 Vốn chủ sở hữu và cổ phiếu quỹ

Vốn chủ sở hữu bao gồm các cổ phần được phát hành. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phần hoặc quyền chọn được trừ vào số tiền thu được do bán cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Công ty đã phát hành và được Công ty hoặc công ty con mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp, được trừ vào vốn chủ sở hữu đến khi các cổ phiếu quỹ được hủy bỏ hoặc được tái phát hành. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hay bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

2.9 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị của hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của ban giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.10 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn khi so giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định theo cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên các cấp độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể được bán trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí hoàn tất và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết.

2. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.11 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán và các khoản đầu tư được giữ lại với ý định để bán trong vòng 12 tháng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư ngắn hạn được hạch toán ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn được lập khi giá gốc của các chứng khoán cao hơn giá trị hợp lý.

(b) Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá trong báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

(c) Đầu tư vào các công ty liên doanh và liên kết

Đầu tư vào các công ty liên doanh và liên kết được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá trong báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, và theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

(d) Đầu tư tài chính dài hạn

- (i). Tiền gửi ngân hàng dài hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán và được hạch toán theo giá gốc.
- (ii). Đầu tư trái phiếu được phân loại là đầu tư dài hạn với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư trái phiếu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó trái phiếu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng được lập khi có bằng chứng giảm giá dài hạn của chứng khoán hoặc trong trường hợp Tập đoàn không thể thu hồi khoản đầu tư.
- (iii). Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỷ lệ nắm giữ dưới 20% tại các đơn vị đã niêm yết hoặc chưa niêm yết mà không dự tính bán trong vòng 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được lập khi có sự giảm sút giá trị của các khoản đầu tư này.

2.12 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, để trừ dần nguyên giá tài sản xuống giá trị còn lại có thể thu hồi, qua suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Năm
Nhà và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	10
Gia súc	6
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Phần mềm	2 - 3

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu

Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tập đoàn và chi phí đó được xác định một cách đáng tin cậy. Tất cả các chi phí sửa chữa và bảo trì khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh khi phát sinh.

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.13 Thuê tài sản cố định

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, dùng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.14 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Khấu hao

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.15 Chi phí vay

Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.16 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng hàng bị trả lại.

(b) Doanh thu gia công

Doanh thu hoạt động gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa đã được gia công và đã được bên chủ hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền gia công.

(c) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

(d) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(e) Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận trong kỳ kế toán khi bên được đầu tư công bố chia cổ tức.

2.17 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chừng mực có thể sử dụng được những chênh lệch tạm thời để tính vào lợi nhuận chịu thuế có thể có được trong tương lai.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan tới các khoản chuyển lỗ tính thuế được ghi nhận tới chừng mực mà khả năng thực hiện được các lợi ích về thuế đối với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai là khả thi.

2.18 Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức giữa kỳ được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Số cổ tức cuối kỳ được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông trong Đại hội thường niên.

2.19 Phương pháp trích lập các quỹ dự trữ

Các quỹ được trích lập dựa theo Điều lệ của Công ty như sau:

Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ phúc lợi, khen thưởng	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế

Công ty ngưng trích lập quỹ dự phòng tài chính khi số tiền trong quỹ đạt 10% trên vốn điều lệ. Việc sử dụng các quỹ nói trên phải được sự phê duyệt của Đại hội Cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc tùy thuộc vào bản chất của nghiệp vụ đã được nêu trong điều lệ và quy chế quản lý tài chính của Công ty.

2.20 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.20 Các bên liên quan (tiếp theo)

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước hiện nắm giữ số cổ phần lớn nhất trong Công ty và do đó được xem là một bên liên quan. Tuy nhiên, những doanh nghiệp chịu sự kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước thì không được xem là các bên liên quan với Công ty cho mục đích công bố thông tin, bởi vì các doanh nghiệp này không gây ảnh hưởng đối với Công ty hoặc không chịu ảnh hưởng từ Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.21 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có một nghĩa vụ - pháp lý hoặc liên đới - hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.22 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động căn cứ vào khoảng thời gian làm việc cho Công ty tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán. Khoản dự phòng được tính bằng nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc của người lao động tại Tập đoàn, dựa trên mức lương tại thời điểm lập báo cáo.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Tiền mặt	648	1,065	544	1,050
Tiền gửi ngân hàng	130.544	109.560	121.959	105.283
Tiền đang chuyển	1.785	6.894	1.785	6.894
Tiền gửi ngắn hạn	205.677	300	205.257	300
	338.654	117.819	329.545	113.527

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

(a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Tiền gửi ngắn hạn	106.396	5.400	106.396	5.400
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (i)	180.229	436.453	180.229	436.453
Trái phiếu	2.405	15.410	2.405	15.410
Cho công ty liên doanh vay (ii)	207.968	197.397	207.968	197.397
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (iii)	(122.996)	(175)	(122.996)	(175)
	374.002	654.485	374.002	654.485

- (i). Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm các loại chứng khoán của các công ty đã niêm yết và chưa niêm yết và của quỹ đầu tư.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

(a) Các khoản đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

Biến động của đầu tư chứng khoán ngắn hạn:

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Số dư đầu năm	436.453	191.959	436.453	191.959
Mua trong năm	1.460	319.985	1.460	319.985
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu	5.205	1.075	5.205	1.075
Trái phiếu chuyển đổi	2.400	-	2.400	-
Phân loại sang đầu tư dài hạn	(154.846)	-	(154.846)	-
Bán trong năm	(110.443)	(76.566)	(110.443)	(76.566)
Số dư cuối năm	180.229	436.453	180.229	436.453

- (ii). Khoản vay không tính lãi 12,25 triệu đô la Mỹ (tương đương 207.968 triệu đồng) cho Công ty Liên doanh SABMiller Việt Nam (“SABMiller”) được gia hạn thêm 12 tháng cho tới ngày 21 tháng 12 năm 2009.
- (iii). Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn được lập để phản ánh sự giảm giá chứng khoán trên thị trường tại ngày của bảng cân đối kế toán.

(b) Đầu tư vào các công ty con – trên báo cáo tài chính riêng của Công ty

	Giá vốn đầu tư được ghi nhận trong báo cáo công ty mẹ		Vốn sở hữu nắm giữ bởi công ty mẹ	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 %	2007 %
Công ty TNHH Một Thành viên Bò sữa Việt Nam	60.894	55.894	100	100
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	44.000	44.000	55	55
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	30.800	-	100	100
	135.694	99.894		
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	(7.303)	(4.210)		
	128.391	95.684		

(c) Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh

	Hợp nhất	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Số dư đầu năm	78.189	122.701
Tăng khoản đầu tư	14.152	4.650
Phần lỗ trong liên doanh	(68.639)	(30.538)
Bán phần vốn góp trong liên doanh	-	(18.624)
Số dư cuối năm	23.702	78.189

Các khoản đầu tư trong liên doanh, tất cả đều chưa niêm yết, như sau:

		Hợp nhất		Công ty	
		2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Công ty Liên doanh SABMiller Việt Nam	(i)	-	68.639	108.047	108.047
Căn hộ Horizon – Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Dự án	(ii)	7.493	7.493	7.493	7.493
Dự án phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam	(iii)	7.209	2.057	7.209	2.057
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	(iv)	9.000	-	9.000	-
		23.702	78.189	131.749	117.597
Dự phòng giảm giá đầu tư trong liên doanh		-	-	(108.047)	(39.408)
		23.702	78.189	23.702	78.189

(i). Công ty Liên doanh SABMiller Việt Nam (“SABMiller”)

Công ty sở hữu 50% phần góp vốn pháp định của liên doanh SABMiller có vốn pháp định là 13,5 triệu đô la Mỹ chuyên sản xuất các loại bia. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đầu tư vào liên doanh này 6,75 triệu đô la Mỹ (tương đương 108.047 triệu đồng quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn). Sau ngày cuối năm, Công ty đã ký một hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn góp trong liên doanh này cho đối tác liên doanh (xem Thuyết minh 33).

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

(c) Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh (tiếp theo)

(ii). Dự án Căn hộ Horizon – Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh

Vào ngày 7 tháng 6 năm 2004, Công ty ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 (“FICO”) và Công ty Cổ phần Tài trợ Địa ốc R.C (“Refico”) cho việc xây dựng, quản lý, tiếp thị và điều hành dự án căn hộ Horizon Tower với tổng số vốn đầu tư dự kiến là 285.000 triệu đồng. Tỷ lệ góp vốn của Công ty trong dự án này là 24,5%.

(iii). Dự án phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam

Vào ngày 1 tháng 1 năm 2006, Công ty ký liên doanh vào một dự án với tên gọi Dự án phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam (“Dự án”). Dự án có tổng ngân sách là 1,5 triệu Euro, một nửa số ngân sách này được tài trợ bởi Chính phủ Hà Lan và phần còn lại được góp đều bởi Công ty và Campina International BV. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã góp đủ vào Dự án với số tiền là 375,000 Euro (tương đương với 7.209 triệu đồng qui đổi theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn).

(iv). Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn

Công ty sở hữu 20% cổ phần trong Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn và là một trong những cổ đông sáng lập của công ty này với vốn điều lệ là 45 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, công ty này đang trong giai đoạn xây dựng.

(d) Các khoản đầu tư dài hạn khác

		Hợp nhất		Công ty	
		2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Tiền gửi dài hạn	(i)	-	50.000	-	50.000
Trái phiếu		3.240	5.645	3.240	5.645
Các khoản đầu tư dài hạn khác	(ii)	543.715	267.184	492.567	216.036
		546.955	322.829	495.807	271.681

(i). Tiền gửi ngân hàng dài hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ban đầu dài hơn 3 tháng và có ngày đáo hạn quá 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán.

- (ii). Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư vào vốn của các công ty niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và của quỹ đầu tư. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Biến động của đầu tư dài hạn khác:

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Số dư đầu năm	267.184	110.150	216.036	110.150
Mua trong năm (*)	120.000	157.034	120.000	105.886
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu	1.685	-	1.685	-
Phân loại từ đầu tư ngắn hạn	154.846	-	154.846	-
Số dư cuối năm	543.715	267.184	492.567	216.036

(*) Trong năm Công ty có đầu tư vào một ngân hàng Việt Nam, ngân hàng này đã được cấp giấy phép thành lập nhưng chưa đi vào hoạt động tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Tạm ứng mua cổ phiếu của Công ty	-	24.322	-	24.322
Khoản phải thu từ việc chuyển nhượng lợi ích trong liên doanh	-	18.624	-	18.624
Cho công ty con vay (*)	-	-	2.500	-
Lãi tiền gửi	20.403	8.577	20.391	8.577
Phải thu khác	20.520	18.867	20.517	18.860
	40.923	70.390	43.408	70.383

(*) Khoản cho Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn vay - một trong những công ty con của Vinamilk - là không tính lãi và phải hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày 10 tháng 1 năm 2008. Khoản vay này chưa được hoàn trả vào ngày đáo hạn mà được gia hạn thêm 12 tháng.

6. HÀNG TỒN KHO

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Hàng mua đang đi trên đường	219.523	357.960	219.323	357.960
Nguyên vật liệu tồn kho	1.231.151	1.013.210	1.220.193	1.006.596
Công cụ, dụng cụ trong kho	5.757	1.838	5.370	1.411
Hàng hóa	10.710	7.967	10.710	7.967
Chi phí SXKD dở dang	104.992	86.823	95.902	80.275
Thành phẩm	217.382	218.659	215.875	216.810
Hàng gửi đi bán	131	336	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.304)	(11.629)	(12.013)	(11.629)
	1.775.342	1.675.164	1.755.360	1.659.390

Bao gồm trong chi phí SXKD dở dang hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 có số tiền 9.091 triệu đồng (2007: 2.311 triệu đồng) là chi phí phát triển gia súc được tập hợp cho đến khi gia súc trưởng thành và sau đó được chuyển thành tài sản cố định hữu hình.

Trong năm, Tập đoàn đã chuyển toàn bộ số gia súc, với tổng số tiền là 7.090 triệu đồng sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 7(a)).

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

Hợp nhất	Nhà và vật kiến trúc Triệu đồng	Máy móc và thiết bị Triệu đồng	Gia súc Triệu đồng	Phương tiện vận tải Triệu đồng	Thiết bị văn phòng Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	345.319	1.368.470	17.147	159.357	73.542	1.963.835
Mua trong năm	630	22.693	415	44.122	13.263	81.123
Chuyển vào TSCĐ (Thuyết minh 7(c))	159.485	374.312	-	52.436	3.108	589.341
Chuyển vào TSCĐ (Thuyết minh 6)	-	-	7.090	-	-	7.090
Phân loại lại	63	(366)	-	156	147	-
Thanh lý	(340)	(17.716)	(3.206)	(968)	(521)	(22.751)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	505.157	1.747.393	21.446	255.103	89.539	2.618.638

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

Hợp nhất	Nhà và vật kiến trúc Triệu đồng	Máy móc và thiết bị Triệu đồng	Gia súc Triệu đồng	Phương tiện vận tải Triệu đồng	Thiết bị văn phòng Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	129.682	685.007	2.555	80.107	43.838	941.189
Trích khấu hao trong năm	19.990	114.040	3.629	14.252	16.027	167.938
Phân loại lại	(10.768)	10.764	-	5	(1)	-
Thanh lý	(40)	(17.578)	(708)	(868)	(482)	(19.676)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	138.864	792.233	5.476	93.496	59.382	1.089.451
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	215.637	683.463	14.592	79.250	29.704	1.022.646
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	366.293	955.160	15.970	161.607	30.157	1.529.187

Công ty	Nhà và vật kiến trúc Triệu đồng	Máy móc và thiết bị Triệu đồng	Phương tiện vận tải Triệu đồng	Thiết bị văn phòng Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	297.120	1.308.531	152.923	72.810	1.831.384
Mua trong năm	402	22.088	43.582	13.047	79.119
Chuyển vào TSCĐ (Thuyết minh 7(c))	158.040	374.312	52.402	3.108	587.862
Phân loại lại	89	(89)	-	-	-
Thanh lý	-	(17.716)	(855)	(521)	(19.092)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	455.651	1.687.126	248.052	88.444	2.479.273
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	126.550	681.598	79.606	43.753	931.507
Trích khấu hao trong năm	16.182	107.655	13.473	15.845	153.155
Phân loại lại	(10.766)	10.767	-	(1)	-
Giảm do thanh lý	-	(17.578)	(855)	(482)	(18.915)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	131.966	782.442	92.224	59.115	1.065.747
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	170.570	626.933	73.317	29.057	899.877
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	323.685	904.684	155.828	29.329	1.413.526

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, một số tài sản cố định với giá trị còn lại là 77.554 triệu đồng (2007: 86.722 triệu đồng) đã được thế chấp cho khoản vay dài hạn (Thuyết minh 10).

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 592.834 triệu đồng (2007: 592.159 triệu đồng).

(b) Tài sản cố định vô hình

Hợp nhất	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	Phần mềm Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	19.900	18.871	38.771
Mua trong năm	-	8.353	8.353
Chuyển vào TSCĐ (Thuyết minh 7(c))	-	16.441	16.441
Tăng khác (*)	15.851	-	15.851
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	35.751	43.665	79.416
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	11.608	6.448	18.056
Trích khấu hao trong năm	-	10.492	10.492
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	11.608	16.940	28.548
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	8.292	12.423	20.715
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	24.143	26.725	50.868

(*) Khoản tăng khác là quyền sử dụng đất góp bởi các cổ đông thiểu số của Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam.

Công ty	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	Phần mềm Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	19.900	18.871	38.771
Mua trong năm	-	8.353	8.353
Chuyển vào TSCĐ (Thuyết minh 7(c))	-	16.441	16.441
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	19.900	43.665	63.565
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	11.608	6.448	18.056
Trích khấu hao trong năm	-	10.492	10.492

Công ty	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	Phần mềm Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	11.608	16.940	28.548
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	8.292	12.423	20.715
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	8.292	26.725	35.017

Công ty ngừng trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính theo đó quy định quyền sử dụng đất được cấp không thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không trích khấu hao.

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Số dư đầu năm	598.308	316.178	598.307	316.178
Tăng trong năm	364.411	650.983	362.198	650.982
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(589.341)	(291.777)	(587.862)	(240.668)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(16.441)	(10.634)	(16.441)	(10.634)
Chuyển sang đầu tư vào công ty con	-	-	-	(51.109)
Chuyển sang hàng tồn kho	(15)	(2.908)	-	(2.908)
Thanh lý	(54)	(57.182)	-	(57.182)
Xóa sổ	-	(6.352)	-	(6.352)
Số dư cuối năm	356.868	598.308	356.202	598.307

Bao gồm trong chi phí xây dựng dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 có:

- (i). Dây chuyền sản xuất cà phê – 162.226 triệu đồng;
- (ii). Dàn máy A3 Speed cho Nhà máy sữa Sài Gòn – 49.586 triệu đồng;
- (iii). Tòa nhà văn phòng cho Chi nhánh Cần Thơ – 36.670 triệu đồng;
- (iv). Trang trại bò tại Tỉnh Nghệ An – 23.259 triệu đồng; và
- (v). Các thiết bị cho trại bò ở Tỉnh Nghệ An – 17.492 triệu đồng.

8. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất Triệu đồng
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	-
Mua trong năm	27.489
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	27.489
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	-
Trích khấu hao trong năm	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	-
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	27.489

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Số dư đầu năm	195.613	117.296	195.613	117.296
Tăng trong năm	7.933	81.594	7.744	81.594
	203.546	198.890	203.357	198.890
Trừ: phân bổ trong vòng một năm	(8.034)	(3.277)	(8.019)	(3.277)
Số dư cuối năm	195.512	195.613	195.338	195.613

Số dư trên bao gồm 64.294 triệu đồng tiền đền bù giải phóng mặt bằng do thuê lại quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê bắt đầu từ tháng 1 năm 2005 đến tháng 6 năm 2052 và các khoản trả trước dài hạn liên quan đến việc thuê đất.

10. VAY DÀI HẠN

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Vay hợp vốn	32.381	42.344	32.381	42.344
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	(9.963)	(9.963)	(9.963)	(9.963)
	22.418	32.381	22.418	32.381

Hợp đồng vay hợp vốn dài hạn ký với Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (40%) và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (60%) để tài trợ cho dự án lắp đặt dây chuyền đóng hộp sữa đặc có đường tại nhà máy sữa Thống Nhất. Khoản vay được trả theo hằng quý trong vòng 5 năm bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 2007. Lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng với 2,4% một năm. Khoản vay được bảo đảm bằng Hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản cố định hình thành từ vốn vay đang trong thời gian lắp đặt cho đến khi hoàn thành; khi hoàn thành các tài sản này sẽ được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
		Trình bày lại		Trình bày lại
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.781	4.350	6.750	4.247
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	6.087	17.299	6.087	17.299
Thuế xuất, nhập khẩu	2.341	9.606	2.341	9.606
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	35.527	-	35.527	-
Thuế thu nhập cá nhân	13.180	3.876	13.177	3.876
Các loại thuế khác	271	200	271	200
	64.187	35.331	64.153	35.228

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Khuyến mãi, hỗ trợ, thưởng bán hàng cho khách hàng	106.701	86.309	106.701	86.309
Chi phí quảng cáo	21.471	28.292	21.471	28.292
Chi phí vận chuyển	5.139	6.206	5.139	6.206
Chi phí bảo trì và sửa chữa	1.531	3.436	1.531	3.436
Chi phí phải trả khác	9.210	8.223	8.813	7.230
	144.052	132.466	143.655	131.473

13. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Phải nộp cho Nhà nước	515	24.205	478	24.205
Tiền nhận đặt cọc, ký quỹ	6.248	10.390	6.048	9.890
Thuế nhập khẩu phải trả	15.906	4.846	15.906	4.846
Khoản vay phải trả cho các cổ đông thiểu số của công ty con	31.235	-	-	-
Phải trả khác (*)	20.560	88.637	20.554	66.567
	74.464	128.078	42.986	105.508

(*) Bao gồm trong khoản phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 có 60.786 triệu đồng là số tiền mà Công ty đã nhận từ một bên thứ ba cho việc chuyển nhượng cổ phiếu. Thủ tục chuyển nhượng liên quan đến những cổ phiếu này đã hoàn tất trong năm nay.

14. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP DÀI HẠN KHÁC

Khoản phải trả dài hạn khác là số tiền mà Công ty đã nhận từ một bên thứ ba cho việc chuyển nhượng phần vốn góp đầu tư mà thủ tục chuyển nhượng chỉ được hoàn tất khi được đơn vị nhận đầu tư chấp thuận.

15. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Số dư đầu năm	8.017	-	8.017	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	39.259	8.017	39.259	8.017
Số dư cuối năm	47.276	8.017	47.276	8.017

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản trích trước và dự phòng và sẽ được thu hồi trong vòng 12 tháng.

16. CƠ CẤU VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về cơ cấu vốn góp của chủ sở hữu của Công ty như sau:

	Nhà nước		Nhà đầu tư trong nước		Nhà đầu tư Nước ngoài		Tổng cộng
	Số cổ phiếu (ngàn cổ phần)	Tỉ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phiếu (ngàn cổ phần)	Tỉ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phiếu (ngàn cổ phần)	Tỉ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phiếu (ngàn cổ phần)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	79.520	50,01	16.736	10,53	62.744	39,46	159.000
Biến động trong năm	3.911	(2,41)	(3.117)	(2,76)	15.481	5,17	16.275
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	83.431	47,60	13.619	7,77	78.225	44,63	175.275
Biến động trong năm	-	-	88	0,05	(88)	(0,05)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	83.431	47,60	13.707	7,82	78.137	44,58	175.275

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng.

Bao gồm trong số các cổ phiếu do nhà đầu tư trong nước nắm giữ tại ngày 1 tháng 1 năm 2008 có 1.425.500 cổ phiếu được Công ty mua lại sau khi cổ phần hóa. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, các cổ phiếu này đã được bán hết cho nhân viên. Cổ tức nhận được của giai đoạn trước khi phân phối cổ phiếu cho nhân viên được chuyển vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 17,18).

17. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Hợp nhất	Vốn cổ phần		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ phúc lợi, khen thưởng		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng Triệu đồng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	1.590.000	54.217	580.103	88.141	54.684	371.238	2.738.383						
Vốn tăng trong năm	162.757	1.010.731	-	-	-	-	1.173.488						
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	963.448	963.448						
Trích lập các quỹ	-	-	164.437	48.172	96.345	(308.954)	-						
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	(499.975)	(499.975)						
Tăng khác	-	-	-	-	1.364	-	1.364						
Chi thưởng cho công nhân viên	-	-	-	-	(60.771)	-	(60.771)						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	1.752.757	1.064.948	744.540	136.313	91.622	525.757	4.315.937						
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.250.120	1.250.120						
Trích lập các quỹ	-	-	125.157	38.963	125.155	(289.275)	-						
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	2.842	(683.575)	(680.733)						
Chi thưởng cho công nhân viên	-	-	-	-	(123.421)	10	(123.411)						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	1.752.757	1.064.948	869.697	175.276	96.198	803.037	4.761.913						

17. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Công ty	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ phúc lợi, khen thưởng	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	1.590.000	54.217	580.103	88.141	54.684	371.238	2.738.383
Vốn tăng trong năm	162.757	1.010.731	-	-	-	-	1.173.488
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	963.448	963.448
Trích lập các quỹ	-	-	164.437	48.172	96.345	(308.954)	-
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	(499.975)	(499.975)
Tặng khác	-	-	-	-	1.364	-	1.364
Chi thưởng cho công nhân viên	-	-	-	-	(60.771)	-	(60.771)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	1.752.757	1.064.948	744.540	136.313	91.622	525.757	4.315.937
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.251.554	1.251.554
Trích lập các quỹ	-	-	125.157	38.963	125.155	(289.275)	-
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	2.842	(683.575)	(680.733)
Chi thưởng cho công nhân viên	-	-	-	-	(123.421)	-	(123.421)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	1.752.757	1.064.948	869.697	175.276	96.198	804.461	4.763.337

18. CỔ TỨC

Trong năm 2008, Công ty chi trả cổ tức đợt cuối của năm 2007 và cổ tức giữa kỳ của năm 2008 lần lượt là 175.275 triệu đồng (1.000 đồng/cổ phiếu) và 508.300 triệu đồng (2.900 đồng/cổ phiếu), trong đó bao gồm 2.842 triệu đồng là cổ tức cho các cổ phiếu Công ty mua lại sau cổ phần hóa và bán lại cho nhân viên (Thuyết minh 16).

Cổ tức cuối cùng cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được đề xuất trong Đại hội cổ đông của Công ty tổ chức trong năm 2009.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm:

	Hợp nhất		Công ty	
	2008	2007	2008	2007
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (Triệu đồng)	1.250.120	963.448	1.251.554	963.448
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (Ngàn)	175.275	171.838	175.275	171.838
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (Đồng)	7.132	5.607	7.140	5.607

20. DOANH THU

(a) Doanh thu thuần

	Hợp nhất		Công ty	
	2008	2007	2008	2007
Doanh thu				
Doanh thu bán sản phẩm	8.265.816	6.486.555	8.292.427	6.481.799
Doanh thu bán hàng hóa và nguyên vật liệu	103.657	173.315	103.657	180.696
Doanh thu dịch vụ	11.090	15.374	11.090	13.769
	8.380.563	6.675.244	8.407.174	6.676.264
Các khoản giảm trừ				
Chiết khấu thương mại	(141.199)	(132.121)	(141.199)	(132.121)
Hàng bán bị trả lại	(30.382)	(5.159)	(30.382)	(5.159)
	(171.581)	(137.280)	(171.581)	(137.280)
	8.208.982	6.537.964	8.235.593	6.538.984

(b) Doanh thu từ hoạt động tài chính

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Lãi tiền gửi	60.270	86.251	59.261	86.055
Lãi bán cổ phiếu đầu tư	119.553	150.901	119.553	150.901
Lãi từ đầu tư trái phiếu	3.593	1.398	3.593	1.398
Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia	29.890	9.650	29.890	9.650
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái	46.050	8.838	46.050	8.838
Các thu nhập tài chính khác	5.454	827	5.454	827
	264.810	257.865	263.801	257.669

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Giá vốn của thành phẩm đã bán	5.502.594	4.738.573	5.535.235	4.732.257
Giá vốn của hàng hóa đã bán	88.489	89.981	88.489	97.425
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.445	6.397	1.445	6.397
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	15.792	4.244	15.111	4.095
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.649	(2.912)	384	(2.912)
	5.610.969	4.836.283	5.640.664	4.837.262

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Chi phí lãi vay	26.971	11.667	25.512	11.667
Lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái	47.314	14.747	47.314	14.759
Lỗ do bán cổ phiếu đầu tư	516	690	516	690
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	122.820	(1.524)	199.863	33.224
Chi phí tài chính khác	-	282	-	266
	197.621	25.862	273.205	60.606

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí bán hàng:

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Chi phí nhân viên	95.978	56.442	95.978	56.360
Công cụ, dụng cụ	18.664	20.805	18.664	20.768
Chi phí vận chuyển	53.735	46.022	53.735	46.022
Chi phí quảng cáo	353.746	267.923	353.746	267.923
Chi phí khuyến mãi và hoa hồng	438.331	519.658	438.331	519.658

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Khấu hao tài sản cố định	31.173	26.041	30.251	25.340
Chi phí nhân viên	82.074	58.812	80.127	58.029
Công cụ, dụng cụ	10.919	4.963	10.790	4.844
Chi phí thuê	14.322	11.729	14.322	11.654
Dự phòng nợ khó đòi	349	16.594	349	16.594
Chi phí chuyên gia	27.148	1.891	26.698	1.696
Phí sửa chữa và bảo hành	14.690	6.156	14.690	6.156

25. THU NHẬP KHÁC

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Thu nhập khác				
Tiền thu do bán phế liệu phế phẩm	50.030	54.022	51.763	54.022
Thưởng từ nhà cung cấp	73.558	43.230	73.558	43.230
Tiền thu do bán/thanh lý TSCĐ	4.265	69.254	592	68.489
Hoàn nhập chi phí trích trước của năm trước không sử dụng hết	1.101	13.637	1.101	13.637
Thu nhập khác	7.948	17.347	7.756	17.190
	136.902	197.490	134.770	196.568
Chi phí khác				
Giá trị còn lại của TSCĐ đã bán/thanh lý	(3.300)	(73.515)	(178)	(71.857)
Chi phí khác	(3.429)	(3.185)	(2.740)	(2.938)
	(6.729)	(76.700)	(2.918)	(74.795)
Thu nhập khác – số thuần	130.173	120.790	131.852	121.773

26. THUẾ

(a) Nợ tiềm tàng liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm 2006 và 2007

Trong các năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và 2007, Công ty đã kê khai là được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trên cơ sở cộng gộp hai mức ưu đãi: (1) miễn thuế TNDN trong hai năm 2004 và 2005 và giảm 50% thuế TNDN cho giai đoạn 3 năm tiếp theo là 2006, 2007 và 2008 do cổ phần hóa Công ty; và (2) được giảm thêm 50% thuế TNDN trong 2 năm sau khi niêm yết chứng khoán lần đầu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) vào ngày 19 tháng 1 năm 2006. Việc cộng dồn hai mức thuế suất ưu đãi này đã được Tổng cục Thuế cho phép theo Công văn số 1591/TCT-CST ngày 4 tháng 5 năm 2006.

26. THUẾ (tiếp theo)

(a) Nợ tiềm tàng liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm 2006 và 2007 (tiếp theo)

Trong năm 2008, Công ty nhận được những thông tin như sau:

- Vào ngày 22 tháng 5 năm 2008, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh (“Cục thuế TP.HCM”) thông báo rằng Công ty không được cộng gộp hai loại ưu đãi thuế liên quan đến việc niêm yết chứng khoán lần đầu trên HOSE và cổ phần hóa trong năm 2006 và 2007. Theo đó Công ty chỉ được giảm 50% số thuế phải nộp thay vì miễn thuế và Cục thuế TP.HCM đã yêu cầu Công ty phải kê khai và nộp khoản thuế TNDN của hai năm 2006 và 2007 là 225.803 triệu đồng (76.637 triệu đồng cho năm 2006 và 149.166 triệu đồng cho năm 2007).
- Vào ngày 25 tháng 7 năm 2008, Thanh tra Chính phủ, sau khi hoàn tất việc thanh tra tại Công ty, đã yêu cầu Công ty kê khai và nộp khoản thuế TNDN liên quan đến hai năm 2006 và 2007 vào ngân sách Nhà nước.
- Vào ngày 13 tháng 11 năm 2008, Văn phòng Thủ tướng Chính phủ ra Thông báo số 318/TB-VPCP theo đó xác nhận rằng các doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong thời gian 2 năm kể từ khi có chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán, tuy nhiên Thông báo trên không đề cập đến việc có cho phép doanh nghiệp được cộng gộp hai khoản ưu đãi thuế khác nhau hay không.

Sau khi kết thúc niên độ, vào ngày 20 tháng 3 năm 2009, Công ty nhận được từ Cục thuế TP.HCM một bản sao của Công điện số 31/TCT-VP ghi ngày 16 tháng 3 năm 2009 của Tổng Cục thuế gửi Cục thuế TP. HCM theo đó thông báo cho Cục thuế TP. HCM rằng Bộ Tài chính đã có công văn báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin ý kiến chỉ đạo về việc miễn, giảm thuế TNDN đối với các doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu. Tổng Cục thuế yêu cầu Cục thuế TP. HCM không thực hiện việc thông báo hoặc tạm thu thuế TNDN đối với các doanh nghiệp niêm yết chứng khoán nêu trên trong khi chờ quyết định cuối cùng của Thủ tướng Chính phủ.

Với các thông tin nêu trên và theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng, Ban Tổng Giám đốc cho rằng có sự không chắc chắn về kết quả cuối cùng của vấn đề này, do đó Công ty không ghi nhận khoản dự phòng thuế TNDN của các năm 2006 và 2007 với số tiền là 225.803 triệu đồng vào các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng.

(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) với thuế suất 15% đến 28% trên lợi nhuận chịu thuế, tùy theo địa điểm hoạt động của các nhà máy. Trong niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% mức thuế suất do cổ phần hóa.

(i). Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	161.874	-	161.874	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho niên độ được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

(ii). Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	884	137	884	137
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	8.154	-	8.154	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch hoãn lại được khấu trừ	(48.160)	(8.154)	(48.160)	(8.154)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(137)	-	(137)	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại – số thuần	(39.259)	(8.017)	(39.259)	(8.017)

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (“SCIC”), sở hữu 47,6% vốn điều lệ của Công ty. SCIC được kiểm soát bởi Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.

(a) Nghiệp vụ và số dư với SCIC

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Nghiệp vụ				
Chi trả cổ tức	325.831	238.162	325.831	238.162

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Nghiệp vụ và số dư với SABMiller - công ty liên doanh

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Nghiệp vụ				
Doanh thu bán tài sản cho SABMiller	-	57.182	-	57.182
Cho SABMiller vay (Thuyết minh 4(a)(ii))	-	80.926	-	80.926

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Số dư				
Cho SABMiller vay (Thuyết minh 4(a)(ii))	207.968	197.397	207.968	197.397

(c) Nghiệp vụ và số dư với Công ty Cổ phần Bao Bì Dầu Thực Vật – công ty nhận đầu tư

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Nghiệp vụ				
Mua hàng hóa	114.628	100.691	114.628	100.691

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Số dư				
Phải trả	8.318	11.724	8.318	11.724

(d) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt:

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Lương và các quyền lợi gộp khác	33.401	13.918	33.401	13.918

Cho mục đích công bố thông tin về các bên liên quan, các chức trách quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị.

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty báo cáo hoạt động theo hai bộ phận kinh doanh: nội địa và xuất khẩu. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận.

Kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận trong niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008:

	Nội địa Triệu đồng	Xuất khẩu Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Doanh thu	6.993.223	1.215.759	8.208.982
Giá vốn hàng bán	4.727.145	883.824	5.610.969
Lợi nhuận gộp	2.266.078	331.935	2.598.013

Kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận trong niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007:

	Nội địa Triệu đồng	Xuất khẩu Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Doanh thu	5.861.243	676.721	6.537.964
Giá vốn hàng bán	4.271.536	564.747	4.836.383
Lợi nhuận gộp	1.589.707	111.974	1.701.681

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Dưới 1 năm	2.295	2.161	1.931	1.842
Từ 1 đến 5 năm	9.230	8.671	7.728	7.370
Trên 5 năm	76.384	73.464	63.616	62.229
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	87.909	84.296	73.275	71.441

Cam kết thuê hoạt động liên quan đến các hợp đồng thuê đất và văn phòng cho các nhà máy và chi nhánh của Tập đoàn.

30. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	216.343	80.730	216.343	80.730

31. CÁC CAM KẾT KHÁC

- (i). Theo các điều khoản trong Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ký với Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 (FICO) và Công ty Cổ phần Tài trợ Địa ốc R.C. (Refico) để xây dựng Dự án Căn hộ Horizon, Công ty cam kết sẽ góp 24,5% trong tổng vốn đầu tư dự tính là 285.000 triệu đồng, tương đương 69.825 triệu đồng. Việc góp vốn này sẽ được đóng góp theo tiến độ thi công của dự án. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã góp vốn được 7.493 triệu đồng (Thuyết minh 4(b)(ii)).
- (ii). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có ký một hợp đồng tương lai để mua ngoại tệ với một ngân hàng tại Việt Nam theo đó Công ty sẽ mua 5 triệu đô la Mỹ với giá mua là 86.420 triệu đồng tại ngày 19 tháng 1 năm 2009. Tại ngày của báo cáo tài chính được duyệt hợp đồng này đã được thực hiện xong.

32. TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Theo hợp đồng thuê đất số 10/2005/CTHT/HĐKT ngày 19 tháng 5 năm 2005 ký giữa Công ty với Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng tỉnh Bắc Ninh và theo Công văn số 550/KTTH-CT ngày 18 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bắc Ninh thì Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bắc Ninh cam kết hỗ trợ Công ty về tiền thuê đất. Theo Công văn số 324/TTr-LN ngày 15 tháng 12 năm 2008 Liên ngành Tài Chính - Ban Quản lý các Khu Công nghiệp đề nghị Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bắc Ninh hỗ trợ Công ty một khoản là 15.746 triệu đồng. Tuy nhiên khoản hỗ trợ này vẫn chưa được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bắc Ninh xác nhận tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Vào ngày 17 tháng 2 năm 2009, Công ty đã ký một Hợp đồng Chuyển nhượng Vốn với SABMiller Asia, theo đó Công ty sẽ chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp vào Công ty Liên doanh SABMiller Việt Nam với giá 8.250.000 đô la Mỹ. Ngoài ra, Công ty Liên doanh SABMiller Việt Nam sẽ hoàn trả Công ty khoản vay 12.250.000 đô la Mỹ. Cho đến ngày các báo cáo tài chính này được phê chuẩn, việc chuyển nhượng đã được hoàn tất.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số thông tin mang tính so sánh của năm trước được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính năm nay. Việc phân loại lại không ảnh hưởng đến thu nhập thuần của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt ngày 23 tháng 3 năm 2009.



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc



ĐỊA CHỈ CỦA CÔNG TY:

Trụ sở chính:

184 - 186 - 188 Nguyễn Đình Chiểu,
Phường 6, Quận 3, TP. HCM.

ĐT: (84.8) 3930 0358 - 3930 5197

Fax: (84.8) 3930 5206

Email: vinamilk@vinamilk.com.vn

Website: www.vinamilk.com.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

57 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa,
Cầu Giấy, Hà Nội.

ĐT: (84.4) 3556 3638

Fax: (84.4) 3556 3621

Chi nhánh tại Đà Nẵng:

175 Triệu Nữ Vương, Phường Nam Dương,
Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

ĐT: (84.511) 3897 222

Fax: (84.511) 3897 223

Chi nhánh tại Cần Thơ:

86D Hùng Vương, Phường Thới Bình,
Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

ĐT: (84.710) 3811 274

Fax: (84.710) 3827 334

CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM:

Miền Nam:

36-38 Ngô Đức Kế, Quận 3

89 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 1

206 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3

175 Nguyễn Chí Thanh, Quận 10

202-204 Lê Quang Định, Quận Bình Thạnh

1146 Tỉnh Lộ 43, Khu phố 1, Quận Thủ Đức

275 Quang Trung, P.6, Quận Gò Vấp

Điện thoại:

(84.8) 3823 7077

(84.8) 3832 4125

(84.8) 3930 2792

(84.8) 3957 2547

(84.8) 3510 4682

(84.8) 6403 1423

(84.8) 6403 1423

Miền Bắc:

89 Lê Hồng Phong, Hà Nội

76 Trần Xuân Soạn, Hà Nội

(84.4) 3733 6216

(84.4) 3943 2912

Miền Trung

175 Triệu Nữ Vương, Đà Nẵng

(84.511) 3816 378

Miền Tây

47A đường 30/4, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ

(84.71) 3815 980

ĐỊA CHỈ CÁC NHÀ MÁY:

NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT

12 Đặng Văn Bi, P. Trường Thọ,
Q. Thủ Đức, TP. HCM.

ĐT: (84.8) 3896 0725

Fax: (84.8) 3896 3140

Chuyên sản xuất: Sữa đặc có đường,
Sữa tươi tiệt trùng, Kem, Sữa chua ăn.



NHÀ MÁY SỮA TRƯỜNG THỌ

32 Đặng Văn Bi, P. Trường Thọ,
Q. Thủ Đức, TP. HCM.

ĐT: (84.8) 3896 0727

Fax: (84.8) 3896 6884

Chuyên sản xuất: Sữa đặc có đường,
Sữa tươi tiệt trùng, Sữa đậu nành,
Sữa chua, Nước ép trái cây, Phô mai.





NHÀ MÁY SỮA SÀI GÒN

Lô 1-18 Khu G1- Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, Hương lộ 80, Phường Hiệp Thành, Q.12, TP. HCM.

ĐT : (84. 8) 3717 6355

Fax : (84. 8) 3717 6353

Chuyên sản xuất: Sữa tươi tiệt trùng, Sữa chua ăn.



NHÀ MÁY CÀ PHÊ SÀI GÒN

Đường NA7, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước II, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

ĐT : (84.650) 3553 292

Fax : (84.650) 3553 290

Chuyên sản xuất: Cà phê.

ĐỊA CHỈ CÁC NHÀ MÁY:

NHÀ MÁY SỮA DIALAC

Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, P. Bình An,
TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

ĐT: (84.61) 3836 115

Fax: (84.61) 3836 015

Chuyên sản xuất: Sữa bột dành cho trẻ em và
người lớn, bột dinh dưỡng cho trẻ em.



NHÀ MÁY SỮA BÌNH ĐỊNH

87 Hoàng Văn Thụ, TP. Quy Nhơn,
Tỉnh Bình Định.

ĐT: (84.56) 3847 312

Fax: (84.56) 3746 065

Chuyên sản xuất: Sữa tươi tiệt trùng,
Kem, Sữa chua.





NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ

Khu Công Nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc,
Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

ĐT : (84.71) 3842 698

Fax : (84.71) 3842 811

Chuyên sản xuất: Sữa tươi, Sữa chua, Kem, Bánh.



NHÀ MÁY SỮA TIÊN SƠN

Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Huyện Tiên Du,
Tỉnh Bắc Ninh.

ĐT : (84.24) 3171 4814

Fax : (84.24) 3171 4807

Chuyên sản xuất: Sữa tươi tiệt trùng, Sữa chua.

ĐỊA CHỈ CÁC NHÀ MÁY:

NHÀ MÁY SỮA NGHỆ AN

Đường Sào Nam, X. Nghi Thu,
Thị Xã Cửa Lò, T. Nghệ An.

ĐT: (84.38) 3949 032

Fax: (84.38) 3824 717

Chuyên sản xuất: Sữa đặc, Sữa tươi, Sữa chua.



NHÀ MÁY SỮA HÀ NỘI

KM 14 Xã Dương Xá, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội.

ĐT: (84.4) 3827 6418

Fax: (84.4) 3827 6966

Chuyên sản xuất: Sữa đặc có đường, Sữa tươi tiệt
trùng, Kem, Sữa chua, Sữa đậu nành.





XÍ NGHIỆP KHO VẬN

32 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ,
Quận Thủ Đức, TP. HCM.

ĐT : (84.8) 3896 6673

Fax : (84.8) 3896 0804

Chuyên: Vận chuyển, Giao hàng hóa.



PHÒNG KHÁM AN KHANG

87A Cách Mạng Tháng 8, Quận 1, TP. HCM.

ĐT : (08) 6291 1722 - 6291 1720

Fax : (08) 3925 3727



“Báo cáo này được in trên giấy tái chế”



Địa chỉ : 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, P. 6, Q. 3, TP. HCM
ĐT : (84.8) 3930 0358 - 3930 5197
Fax : (84.8) 3930 5206
Email : vinamilk@vinamilk.com.vn
Web : www.vinamilk.com.vn